

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN  
THỦY SẢN**

Số: 0409/DAT-2020/2A

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM  
- Quý cổ đông**

**Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

**Mã chứng khoán: DAT**

**Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp**

**Điện thoại: 02773.680 657**

**Fax: 02773.680 657**

**Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Văn Lâm**

**Chức vụ: Tổng Giám đốc - Người Đại diện pháp luật**

**Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:**

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản xin được đính chính thông tin trên báo cáo thường niên năm 2019 như sau:

Do việc sơ suất trong quá trình soạn thảo Báo cáo thường niên năm 2019 nên có sự nhầm lẫn phần đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019.

Vậy công ty xin được công bố thông tin chính xác như tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.trisedco.com](http://www.trisedco.com) của Công ty.

Công ty xin thông báo để UBCK Nhà nước, SGDCK TP Hồ Chí Minh và Quý Cổ đông được biết.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCK;
- Lưu: VT.

**Người đại diện theo pháp luật  
Người được ủy quyền công bố thông tin  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Lâm**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN  
(TRISEDCO)**



**MÃ CHỨNG KHOÁN: DAT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2019**



[www.trisedco.com](http://www.trisedco.com)





# NỘI DUNG

**TRISEDCO**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

## 01. THÔNG TIN CHUNG

---

1.1 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	01
1.2 Thông tin chung công ty	02
1.3 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	03
1.4 Quá trình hình thành và phát triển	05
1.5 Ngành nghề kinh doanh & địa bàn kinh doanh	07
1.6 Mô hình quản trị	10
1.7 Công ty liên doanh, liên kết	11
1.8 Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	12
1.9 Định hướng phát triển	18
1.10 Quản trị rủi ro	19

---

## 02. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

---

2.1 Tổng quan về kinh tế Việt Nam năm 2019 và triển vọng năm 2020	20
2.2 Tổng quan thị trường cá Tra năm 2019 và triển vọng	21
2.3 Phân tích SWOT	23
2.4 Kế hoạch kinh doanh 2020	25

---

## 03. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

---

3.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019	27
3.2 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	32
3.3 Phân tích báo cáo tài chính năm 2019	37

---

## 04. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

4.1 Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	41
4.2 Quản trị Công ty	44
4.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD	49

---

## 05. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---

## 06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

53



## THÔNGIỆP CỦA

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Kính gửi: Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và toàn thể CB – CNV.**

**K**ết thúc năm 2019, mặc dù nền kinh tế trong nước và thế giới có diễn biến khá phức tạp, nhưng Trisedco vẫn đạt được một số thành tựu trong sản xuất kinh doanh một cách đáng khích lệ. Để đạt được những kết quả này, Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự nỗ lực, đoàn kết của Ban điều hành và tập thể CB-CNV toàn Công ty đã cùng nhau vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ đề ra cũng như những mục tiêu mà công ty hướng đến.

Với đội ngũ CB-CNV dày dặn kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn vững vàng và tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết đã luôn cùng sát cánh với Trisedco vượt qua những trở ngại để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể: doanh thu thuần đạt 2.493 tỷ đồng đạt 134,8% so với kế hoạch năm 2019 và tăng 57,1% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 62,2 tỷ đồng tương ứng với 103,8% so với kế hoạch và tăng 20,9% so với năm 2018.

Với những nhận định năm 2020 còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường từ nền kinh tế thế giới và trong nước, thiên tai, xâm nhập mặn, dịch bệnh, cùng với sự cạnh tranh đến từ những Công ty cùng ngành trong khu vực ngày càng lớn. Nhưng Công ty vẫn luôn tin tưởng vào các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ, cùng với tinh thần lạc quan, sự đoàn kết, sáng tạo, cải tiến và thi đua sản xuất kinh doanh, Trisedco đã và đang nắm bắt những cơ

**DOANH THU THUẦN 2.493**



**NĂM 2019 TỶ ĐỒNG**

**ĐẠT 134,8% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2019 TĂNG 57,1% SO VỚI NĂM 2018.**

**MỤC TIÊU NĂM 2020 LÀ HƯỚNG TỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 VỚI CHỈ TIÊU DOANH THU LÀ 2.000 TỶ ĐỒNG VÀ MỤC TIÊU LỢI NHUẬN LÀ 40 TỶ ĐỒNG.**

hội, phát huy thế mạnh của bản thân để đạt được những thành công cao nhất. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV Trisedco cùng những quyết tâm cố gắng bật và chạy hết sức mình để cùng xây dựng nên một tập thể Công ty vững mạnh, nhanh chóng đạt được các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2017 – 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Thay mặt HĐQT, Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý đối tác đã luôn luôn ủng hộ và đồng hành trong các chiến lược phát triển ngắn và dài hạn của Công ty. Nhờ đó, Trisedco có được những nền tảng vững chắc để thực hiện những bước phát triển mới trong chặng đường phát triển dài hạn của Công ty và phấn đấu để đưa Trisedco trở thành một trong những Công ty vững mạnh trong ngành thủy sản Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong những chặng đường sắp tới. Tôi xin chúc tất cả Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác và toàn thể CB-CNV lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

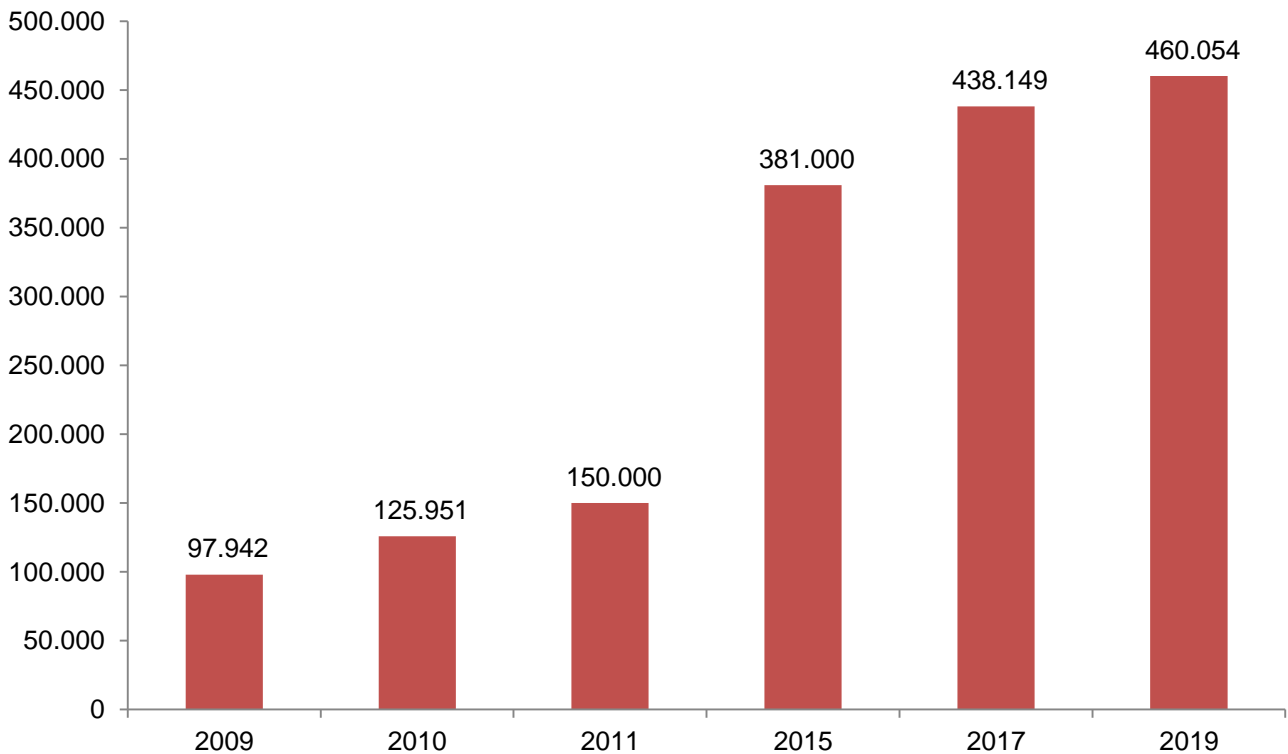
**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TÊN CÔNG TY** : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN  
**TÊN TIẾNG ANH** : TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION  
**TÊN VIẾT TẮT** : TRI.SED.CO  
**MÃ CHỨNG KHOÁN:** DAT  
**TRỤ SỞ CHÍNH** : Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp  
**VỐN ĐIỀU LỆ** : 460.054.130.000 VND  
**VỐN CHỦ SỞ HỮU** : 589.348.623.239 (tính đến ngày 31/12/2019)  
**ĐIỆN THOẠI** : 02773 680 660 **FAX:** 02773 680 660  
**EMAIL** : [info@trisedco.com](mailto:info@trisedco.com)  
**WEB** : [www.trisedco.com](http://www.trisedco.com)

## BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN

ĐVT: triệu đồng



Biểu đồ: Vốn điều lệ của Trisedco đến năm 2019





## TẦM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP  
ĐỨNG ĐẦU VIỆT NAM CỦA  
NGÀNH BỘT CÁ, MỠ CÁ. CHỦ  
ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC,  
SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG  
KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ


## SỨ MẠNG

TRISEDCO LUÔN CUNG CẤP SẢN PHẨM LÀM TỪ  
PHỤ PHẨM CÁ TRÁ VỚI CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ  
CAO. NÂNG CAO TẦM GIÁ TRỊ CỦA CÁ TRÁ TRÊN  
TOÀN THẾ GIỚI THÔNG QUA NHỮNG CẢI TIẾN  
LIÊN TỤC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CẢI THIỆN  
HIỆU QUẢ TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH..





## GIÁ TRỊ CỐT LÕI


 **CAM KẾT:** CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

 **SÁNG TẠO:** KHÔNG NGỪNG KHÁC BIỆT ĐỂ  
PHÁT TRIỂN

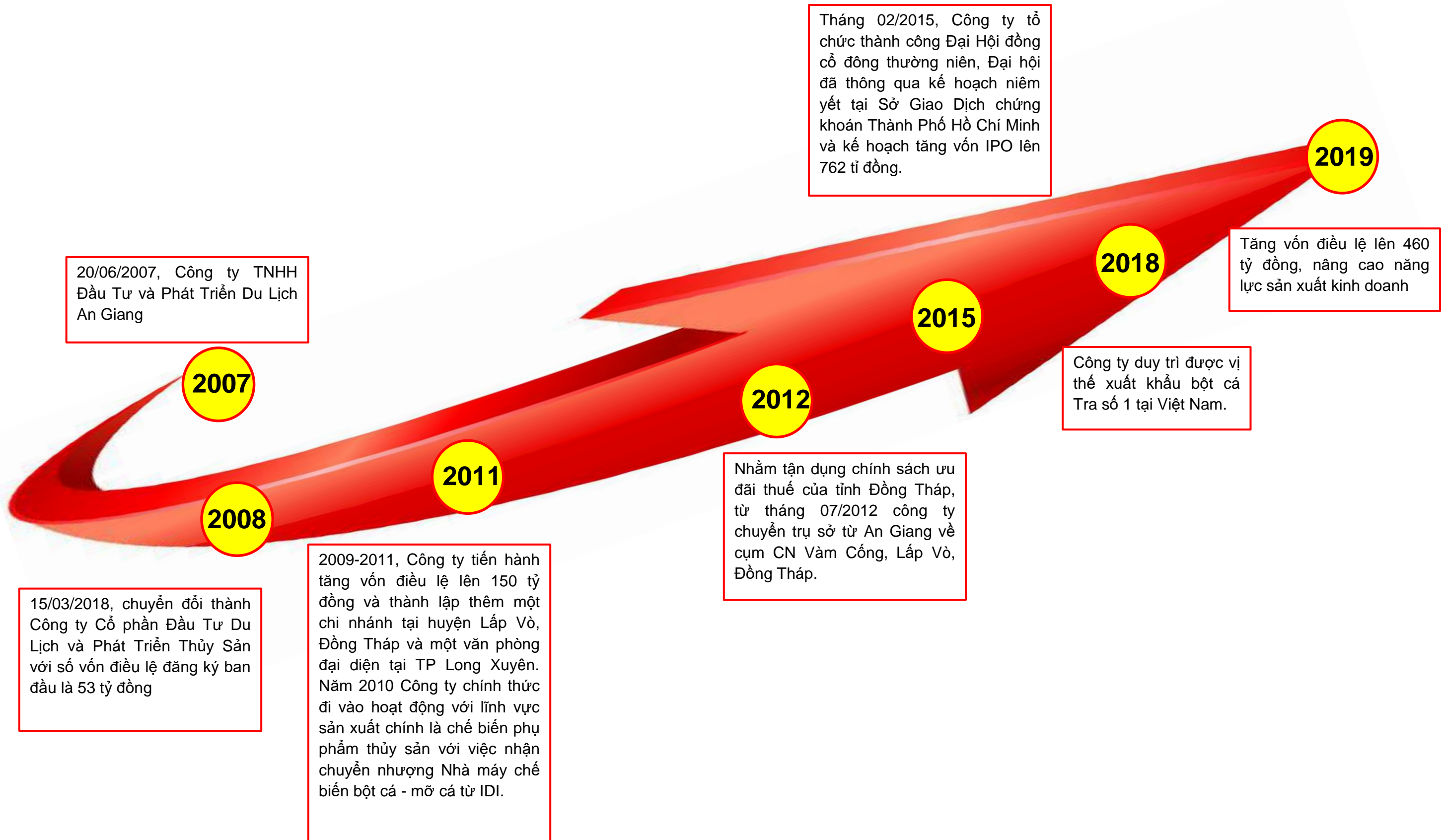
 **TRÁCH NHIỆM:** LẤY TRÁCH NHIỆM, HỢP TÁC,  
ĐÃI NGỘ LÀM PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

 **HỢP TÁC:** LẤY SỰ THÀNH CÔNG CÙNG ĐỐI  
TÁC LÀM MỤC TIÊU LÂU DÀI

 **ĐẠO ĐỨC:** LẤY UY TÍN, ĐẠO ĐỨC KINH DOANH  
LÀM NIỀM TỰ HÀO CỦA CÔNG TY

 **CHIA SẺ:** LẤY LỢI ÍCH XÃ HỘI LÀM KHỞI SỰ  
CHO MỌI HOẠT ĐỘNG







## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



#### BỘT CÁ

Bột cá là một sản phẩm được làm từ cá nguyên con, xương và phụ phẩm từ cá sau chế biến. Bột cá là một trong những nguồn nguyên liệu tốt nhất trong sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy hải sản.



#### MỠ CÁ

Mỡ cá tra – basa dùng để sản xuất dầu cá rất dồi dào Acid béo Omega 3,6,9, EPA, DHA, Vitamin A,E và các khoáng chất khác. Những dưỡng chất này rất quan trọng và vô cùng hữu ích để giảm Cholesterol trong máu, tốt cho tim mạch, phòng chống các bệnh mãn tính không lây và đặc biệt là tăng cường chỉ số IQ cho người già và trẻ nhỏ.



#### SẢN PHẨM PHỤ

Quá trình chế biến từ cá tra nguyên liệu tươi sống thành sản phẩm xuất khẩu, ngoài thành phẩm thu được còn có một lượng lớn phụ phẩm giá trị gia tăng chiếm khoảng 67% khối lượng nguyên liệu đầu vào. Lượng phụ phẩm này thông thường bao gồm: mỡ cá, bụng cá, bong bóng cá, bao tử cá...rất có giá trị dinh dưỡng cao trong những món ăn hàng ngày.

### CƠ CẤU THEO DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.436</b>	<b>1.586</b>	<b>2.493</b>
Bột cá	1.134	1.157	1.783
Mỡ cá	198	329	514
Dầu cá	13	0	8
Sản phẩm phụ	36	44	62
Khác	55	56	126
<b>TỈ TRỌNG</b>	<b>100,0%</b>	<b>100%</b>	<b>100,0%</b>
Bột cá	79,0%	72,9%	71,5%
Mỡ cá	13,8%	20,7%	20,6%
Dầu cá	0,9%	0%	0,3%
Sản phẩm phụ	2,5%	2,8%	2,5%
Khác	3,8%	3,6%	5,1%

Danh mục sản phẩm của Trisedco tập trung vào 3 sản phẩm chính là bột cá, mỡ cá và sản phẩm phụ. Trong đó bột cá chiếm 71,5% doanh thu thuần, mỡ cá chiếm 20,6%. Bên cạnh đó, sản phẩm chiếm tỷ trọng ít là sản phẩm phụ, dầu cá và doanh thu khác lần lượt là 2,5%; 0,3% và 5,1%.

Qua đó ta thấy được bột cá là sản phẩm chủ lực, quan trọng nhất mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho Trisedco. Trong năm 2019, công ty có những bước đột phá lớn về doanh thu bán hàng, chủ yếu từ mặt hàng bột cá.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mức tăng trưởng doanh thu năm 2019 đạt 2.493 tỷ đồng tăng 57,1% so với năm 2018. Để đạt được kết quả này, trong năm 2019 Trisedco đã mạnh dạn đẩy mạnh hoạt động thương mại bột cá nhằm tăng doanh số và chiếm lĩnh thị trường bột cá trong nước và xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, thị trường nhập khẩu bột cá lớn nhất thế giới, năng động và là nơi đòi hỏi khả năng đáp ứng hàng hóa nhanh.

Do đó, chiến lược phát triển thương mại bột cá là hướng đi đúng đắn và phù hợp với thị trường đầy cạnh tranh và sôi động này. Bên cạnh đó, Trisedco đã và đang tích cực phát triển các thị trường tiềm năng khác để đa dạng hóa nơi tiêu thụ và phân tán rủi ro trong kinh doanh ở một số nước như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc,... để thực hiện được điều này cần Trisedco cần phải đưa ra những biện pháp tiếp cận thị trường thật khoa học và hiệu quả.

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.436</b>	<b>1.586</b>	<b>2.493</b>
Sản xuất	301	350	572
Thương mại	1.135	1.236	1.922
<b>TỈ TRỌNG</b>	<b>100,0%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Sản xuất	21,0%	22,1%	22,9%
Thương mại	79,0%	77,9%	77,1%



*Hội nghị Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019*

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hiện tại nhà máy sản xuất được cơ cấu nhằm tối ưu công suất, năng suất, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

Về thị trường trong nước: Trisedco là nhà cung cấp thức ăn gia súc hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh những đối tác chiến lược như: Sao Xanh, Anco, Trường Ân, Trisedco hiện đang mở rộng thị trường nội địa để tìm kiếm một số đối tác mới chiến lược.

Về thị trường thế giới: Trung Quốc vẫn đang là thị trường xuất khẩu bột cá chủ yếu của Trisedco. Một số khách hàng lớn của Trisedco ở Trung Quốc như: Fuzhou, China National, Guangdong. Thực hiện chính sách phân tán rủi ro “không để trứng vào một giỏ” trong năm qua Trisedco cũng tích cực tìm kiếm và xây dựng thị trường sang Nhật Bản, Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc,...





**SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:



## CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

### CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Tên công ty	Công ty Cổ phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính – ASTAR
Địa chỉ	326, Hùng Vương, Mỹ Long, Thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Vốn Trisedco góp	6.418.973.891 đồng
Tỷ lệ sở hữu	5,4%
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan

### CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN CỦA TRISEDCO

Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I
Địa chỉ	Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Vốn thực góp vào Trisedco	364.575.640.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	79,25%
Ngành nghề kinh doanh chính	Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu



Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


	<p><b>Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1964, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1984 – 1987, ông làm việc tại Xí nghiệp Liên Hiệp Đường Sắt Huế.</li> <li>- 1987 – 1991, Làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức</li> <li>- 1991 – 1994, Ông về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang.</li> <li>- 1994 – 1997, Đội trưởng xây dựng Công ty Xây Dựng Miền Tây.</li> <li>- 1997 – nay, tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> </ul>
<p><b>Chủ tịch HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông còn đang giữ chức vụ tại các Công ty khác như: thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. Ông đang nắm giữ 145.503 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,32% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Chủ tịch HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1954, tại Hồng Ngự, Đồng Tháp.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1975, công tác tại Phòng Chính Trị tỉnh đội An Giang.</li> <li>- 1989, Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang.</li> <li>- 1995, thanh tra Sở Thương Mại Du Lịch tỉnh An Giang.</li> <li>- 1997, Thành lập và điều hành Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- 2003, Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> </ul>
<p><b>Phó CT HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông còn là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 60.978 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,13% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Lê Thanh Thuận – Thành viên HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1958, Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1977 – 1979, công tác tại Sở Xây Dựng tỉnh An Giang.</li> <li>- 1979 – 1980, Cán bộ tại Sở Quản Lý Nhà Đất tỉnh An Giang.</li> <li>- 1982 – 1986, Chánh Văn Phòng Ủy Ban Xây Dựng cơ bản Nhà nước An Giang.</li> <li>- 1986 – 1992, Giám đốc Công ty Liên Doanh Kiến Trúc An Giang.</li> <li>- 1992 – 1995, Giám đốc xí nghiệp Xây Dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai</li> <li>- 1997 – nay, Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<p><b>Thành viên HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông còn là thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. Ông đang nắm giữ 1.811.250 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 3,94% vốn điều lệ.</p>

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p style="color: red;"><b>Ông Lê Xuân Quế - Phó Chủ tịch HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1968, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1992, công tác tại Xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng</li> <li>- 1997, Giám đốc Xí Nghiệp Đầu Tư và Xây Dựng Phương Nam.</li> <li>- 2003, làm việc tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai</li> <li>- 2011 – 2014, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li> <li>- 2015 – 2016, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.</li> <li>- 2017 – 07/2018, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li> </ul>
<p><b>Phó CT HĐQT</b></p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông còn là PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 40.451 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,09% vốn điều lệ.</p>	
	<p style="color: red;"><b>Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1977, tại thôn Gian Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1999, Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- 2001, Giám đốc Công ty Tư Vấn Thiết Kế Điện Hình An Giang, TP KCS, TP Marketing Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai</li> <li>- 2005 – 2011, Trưởng Phòng Quản Lý Đầu Tư Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Đầu Tư &amp; PT Đa Quốc Gia IDI.-</li> <li>2008 – 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cp Đầu Tư &amp; PT Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- 2011 – nay, Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<p><b>Thành viên HĐQT</b></p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Trisedco. Ngoài ra, Ông còn là PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 6.641 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,01% vốn điều lệ.</p>	
	<p style="color: red;"><b>Ông Lê Văn Thành – Thành viên HĐQT</b></p> <p><b>Ông sinh năm 1967, Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</b></p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1997 – 1999, Đội trưởng Đội Xây Dựng số 05 Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- 1999 – 2007, Phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang</li> <li>- 2007 – 2010, Trưởng Phòng Nhà đất Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang</li> <li>- 2010 – 2016, Trưởng Phòng Quản Lý Bất Động Sản Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> <li>- 2017 – nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<p><b>Thành viên HĐQT</b></p>	
<p>Ông đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Trisedco đến ngày 25/03/2019. Ngoài ra, Ông còn là PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 19.440 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,04% vốn điều lệ.</p>	



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p><b>Ông Hồ Mạnh Dũng – Thành Viên HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1951, tại Đức Phổ, Quảng Ngãi.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1975 – 2007, cán bộ văn phòng tỉnh Ủy An Giang.</li> <li>- 2007, trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai</li> <li>- 2008 – 2011, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản</li> <li>- 2012 đến nay, trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<b>Thành viên HĐQT</b>	

Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Trisedco đến ngày 25/03/2019. Ông đang nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.

	<p><b>Ông Lê Văn Chính – Thành viên HĐQT</b></p> <p>Ông sinh năm 1982, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2009 - 2011, Ông làm việc tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Sao Mai;</li> <li>- 2011 - 2013 Ông công tác tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI;</li> <li>- 2013 - 2014, Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á;</li> <li>- 2015 – 2016 Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản;</li> <li>- 01/01/2017 đến nay: Tổng Giám đốc công ty CP dầu cá Châu Á.</li> </ul>
<b>Thành viên HĐQT</b>	

Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Trisedco đến ngày 25/03/2019. Ngoài ra, Ông là TGD Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á. Ông đang nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu Lực
1	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên	Từ nhiệm	25/03/2019
2	Lê Văn Thành	Thành viên	Từ nhiệm	25/03/2019
3	Lê Văn Chính	Thành viên	Từ nhiệm	25/03/2019





## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	<p><b>Ông Lê Văn Lâm – Tổng Giám Đốc</b></p> <p>Ông sinh năm 1973, tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Năm 2003 – 2006 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai.</li><li>- Từ năm 2006 – 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công Nghiệp Vàm Cống – IDI</li><li>- Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.</li><li>- Tháng 10/2011, Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Sao Mai.</li><li>- Tháng 07/2018, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li></ul>
<p><b>Tổng Giám Đốc</b></p>	<p>Hiện nay, ông giữ chức vụ TGD Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông là PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Nguyễn Tiên Ngữ - Phó Tổng Giám Đốc</b></p> <p>Ông sinh năm 1960, Đông Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1983 – 1986, Cán Bộ Cục An ninh Kinh Tế - Bộ Công An</li><li>- 1987 – 2010: Cán bộ, Phó Phòng, Trưởng phòng An Ninh kinh tế Văn hóa tư tưởng; Trưởng phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công An tỉnh An Giang.</li><li>- 2010 – 2012: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế.</li><li>- 2012 – 10/2019: PTGD Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li></ul>
<p><b>Phó Tổng Giám Đốc</b></p>	<p>Ông nắm giữ 603 cổ phần Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Lê Hoàng Cương – Phó Tổng Giám đốc</b></p> <p>Ông Sinh năm 1985, tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Năm 2008, Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li><li>- 2009 – 2013: Kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai</li><li>- 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, công tác tại Phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản</li><li>- 2013 – 8/2016: Giám đốc tài chính Trisedco</li><li>- 8/2016 – 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á</li><li>- 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco</li></ul>
<p><b>Phó Tổng Giám Đốc</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ PTGD Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>



## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	<p><b>Ông Lê Quốc Mạnh – Phó Tổng Giám Đốc</b>          Ông sinh năm 1993, tại Long Xuyên, An Giang.  <b>Quá trình công tác:</b>          - 2013 – 2016, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI          - Từ 2015 – 2017, Phó Giám đốc xí nghiệp thức ăn thủy sản thuộc Tập đoàn Sao Mai An Giang          - 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco</p>
<b>Phó Tổng Giám Đốc</b>	
	<p><b>Ông Nguyễn Gia Thuận – Kế Toán Trưởng</b>          Ông Sinh năm 1978, tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ  <b>Quá trình công tác:</b>          - Năm 2002, là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư &amp; Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.          - Năm 2008, ông được bổ nhiệm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI</p>
<b>Kế toán trưởng</b>	
<p>Hiện nay, ông giữ chức Kế Toán Trưởng Trisedco. Ông đang nắm giữ 483 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.</p>	

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu Lực
1	Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm	21/10/2019





## GỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

	<p><b>Bà Lê Thị Lãm – Trưởng Ban Kiểm soát</b></p> <p>Bà sinh năm 1985 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2006 – 2018, kế toán tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai</li> <li>- Từ năm 2018 – nay, Phó Giám Đốc Marketing Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á</li> </ul>
<p><b>Trưởng Ban Kiểm soát</b></p>	<p>Hiện nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Trisedco. Bà đang nắm giữ 120 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Bà Trịnh Thị Ngọc – TV Ban Kiểm soát</b></p> <p>Bà sinh năm 1988, tại Thiệu Hóa, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2009 – nay, kế toán tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<p><b>Thành viên BKS</b></p>	<p>Hiện nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Trisedco. Bà đang nắm giữ 120 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên – TV Ban Kiểm soát</b></p> <p>Bà sinh năm 1991 tại Thốt Nốt, Cần Thơ.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Từ tháng 02 đến tháng 08/2014: Kế toán Công ty TNHH SXTM XNK Phú Quý</li> <li>- Từ tháng 09 đến tháng 11/2014: NV kinh doanh Công ty BĐS Sao Mai</li> <li>- Từ tháng 12/2014: NV Ban tái cấu trúc tài chính Công ty CP Tập đoàn Sao Mai.</li> <li>- Hiện nay: làm việc tại Ban quản lý chợ Bình Khánh 5, TP. Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<p><b>Thành viên BKS</b></p>	<p>Hiện nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Trisedco. Bà đang nắm giữ 0 cổ phần của Công ty Trisedco.</p>

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu Lực
1	Lê Thị Lãm	Trưởng Ban	Bổ nhiệm	25/03/2019

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- 1 Tiếp tục là doanh nghiệp đứng đầu của Việt Nam về sản xuất - chế biến bột cá - mỡ cá, phát huy thế mạnh sẵn có về chất lượng sản phẩm và các yếu tố khác;
- 2 Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu bột cá ngày càng lớn mạnh;
- 3 Xây dựng mạng lưới đối tác, khách hàng tại nhiều nước khác nhau;
- 4 Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn bó với tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu;
- 5 Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phù hợp để giúp Công ty gia tăng lợi thế của mình và đem lại lợi ích cho khách hàng, đối tác.
- 6 Về nội bộ, thực hiện kiện toàn hệ thống báo cáo, ngày càng tăng tính minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 7 Duy trì mức tăng trưởng doanh thu trên 10%- lợi nhuận trên 15%;
- 8 Nâng cao và duy trì sự ổn định tại thị trường Trung quốc, tăng các thị phần ở các khối thị trường mới nổi bậc như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,....Phục hồi từng bước thị trường xuất khẩu mỡ cá.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

1. Xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện, và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị văn hóa doanh nghiệp đặc thù, đầu tư đổi mới công nghệ mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.
2. Liên kết với các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Sao Mai để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ.
3. Coi con người là yếu tố then chốt, hàng đầu hình thành đội ngũ CB – CNV có trình độ, kỹ luật nghiêm ngặt. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm uy tín, chất lượng và phổ biến.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Quản trị tốt các rủi ro, trong đó có rủi ro về môi trường
2. Thực hiện các quy định pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường
3. Giảm thiểu tối đa rác thải sản xuất
4. Vận hành nhà máy bằng nguồn năng lượng sạch
5. Tiết kiệm năng lượng bằng các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu: Những năm gần đây thị trường phụ phẩm đang rất khan hiếm sẽ làm giá phụ phẩm đẩy lên mức cao khiến cho giá thành các yếu tố đầu vào tăng cao.

Rủi ro về thị trường xuất khẩu: thị trường Trung Quốc đang là thị trường tiêu thụ bột cá lớn nhất hiện nay, trong tương lai có nhiều doanh nghiệp sẽ có được giấy phép xuất khẩu bột cá sang thị trường này, từ đó ảnh hưởng đến việc xuất khẩu bột của Trisedco là rất lớn.

## Rủi ro tỷ giá hối đoái

Với Trisedco vấn đề xuất khẩu là hướng kinh doanh chính và chủ đạo và lượng ngoại tệ chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái cũng sẽ là một vấn đề đáng quan tâm đối với Ban điều hành của công ty.

## Rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá

Trong năm 2019 xu hướng ổn định của mặt bằng lãi suất cũng ít nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2020, Trisedco thực hiện công tác chủ động dòng tiền, kiểm soát trong việc vay vốn có thể kiểm soát tốt chi phí lãi vay.

## Rủi ro môi trường

Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu đã diễn ra khá tiêu cực, những rủi ro liên quan như về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sấm ngập mặn tiến sâu vào nội đồng ảnh hưởng trực tiếp đến vùng nuôi trồng thủy sản. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh từ phụ phẩm cá tra, Trisedco vẫn ít nhiều ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể thay đổi được những tác động từ thiên nhiên.

## Rủi ro pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp với các văn bản pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay chịu sự điều phối của hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật DN, Luật ĐT, các chính sách thuế, hải quan, ... và một số văn bản hướng dẫn khác có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

## Rủi ro khác

Rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh lớn, .... Ít xảy ra nhưng nếu có sẽ gây thiệt hại rất lớn và khó ngăn chặn được

## Giải pháp quản trị rủi ro

- Đối với biến động giá nguyên liệu: đối với thương mại bột cá, mua hàng hàng lúc giá thấp để trữ hàng. Đồng thời phải dự báo chính xác những đợt sóng tăng giá để tung hàng ra thị trường nhanh chóng, kịp thời.

- Đối với rủi ro thị trường: Chỉ tiêu chất lượng là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà công ty hướng đến. Lấy uy tín về chất lượng làm nền tảng để duy trì và mở rộng thị phần. Phân tích và đưa ra các giải pháp để phòng ngừa các mối nguy ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa trong quá trình sản xuất. Xây dựng các quy trình hoạt động để kiểm soát các sai sót có thể xảy ra. Không ngừng mở rộng thị trường để phân tán rủi ro.

## Giải pháp quản trị rủi ro

Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ thông qua mối quan hệ giữa các ngân hàng. Thực hiện hợp đồng L/C để khách hàng đảm bảo thanh toán phòng ngừa rủi ro.

## Giải pháp quản trị rủi ro

Rủi ro lãi suất ảnh hưởng chủ yếu từ khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán. Việc trình lại hạn mức tín dụng mới giữa các ngân hàng rơi vào cùng thời điểm sẽ ảnh hưởng đến tính thanh khoản nhất thời tại thời điểm đó. Do đó, bộ phận kinh doanh và tài chính cần phối hợp với nhau để dự kiến chính xác các khoản thu và chi.

## Giải pháp quản trị rủi ro

Định kỳ hàng quý, năm tiến hành kiểm tra, đo đạc các chỉ số về nước thải, khí thải,.. để đảm bảo về môi trường cũng như việc xả thải ra môi trường bên ngoài. Đồng thời đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động tới môi trường trong những trường hợp cấp bách. Mua bảo hiểm cho hàng hóa vận chuyển để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Đồng thời các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo quy định Nhà nước về đăng kiểm và kiểm định.

## Giải pháp quản trị rủi ro

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quy chế, quy trình nội bộ của công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Nhân viên kinh doanh rà soát lại các hợp đồng, các thỏa thuận đã ký kết. Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến công ty và phổ biến đến từng bộ phận của công ty. Các bộ phận chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng hợp tác liên doanh, liên kết, chính sách bán hàng,...

## Giải pháp quản trị rủi ro

Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những rủi ro xảy ra.

## TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2020

*“Năm 2019, quy mô nền kinh tế Việt Nam tiếp tục mở rộng với tốc độ tăng trưởng GDP là 7,02%, gần bằng so với năm 2018, cũng là mức tăng trưởng gần như cao nhất trong 10 năm gần đây. Tuy nhiên, dự báo cho thấy trong năm 2020, kinh tế Việt Nam sẽ liên tục phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức cần phải nỗ lực vượt qua.”*

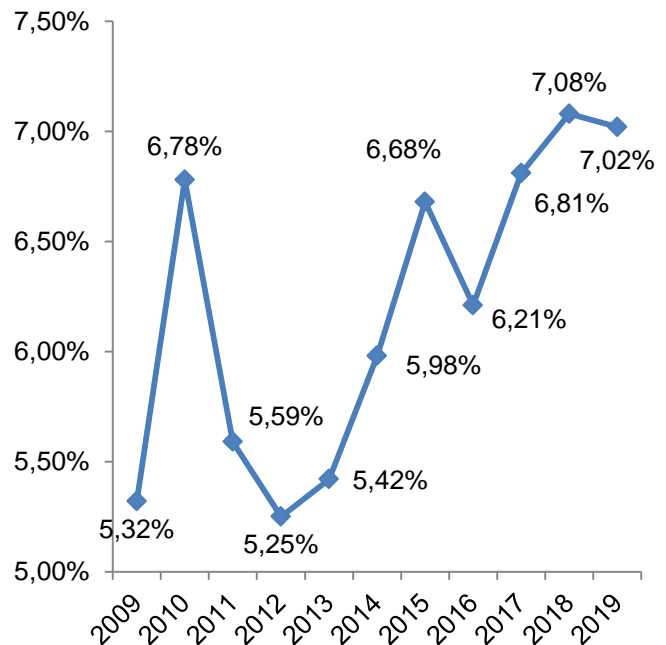
Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, mức tăng trưởng gần như cao nhất trong 10 năm qua từ khi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2019. Dù đạt mức tăng trưởng cao, nền kinh tế vẫn duy trì được sự ổn định vĩ mô,...

Đóng góp vào mức tăng trưởng 7,02% có khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01% đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4% và khu vực dịch vụ tăng 7,3% đóng góp 45%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2019 duy trì mức tăng trưởng cao với 8,86%.

Năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao.

Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, thu hút nhiều doanh nghiệp thành lập mới và đầu tư nước ngoài.

### GDP



### DỰ BÁO KINH TẾ NĂM 2020

Tăng trưởng GDP năm 2020 dự báo đạt 6,8% - 7,0%. Trong đó, khu vực công nghiệp – xây dựng thể hiện vai trò đầu tàu dẫn dắt, dòng vốn đầu tư FDI là nguồn lực quan trọng đối với nền kinh tế.

Diễn biến thuận lợi về lạm phát tiếp tục được duy trì trong năm 2020, với dự báo lạm phát ở mức 3,0% - 3,5%. Áp lực tăng lãi suất huy động trên thị trường vẫn tồn tại nhưng không mạnh bằng năm 2019. Mặc dù đưa ra những con số lạc quan nhưng năm 2020 còn có rất nhiều rủi ro, thách thức ảnh hưởng tới nền kinh tế Việt Nam như chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, nền kinh tế lớn kết hợp với các yếu tố rủi ro về chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại nội địa vẫn đang còn tồn tại ở một số quốc gia,.... Bên cạnh là những thách thức từ các yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam như trình độ khoa học công nghệ chưa được phát triển, trình độ phát triển khu

vực kinh tế trong nước và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài có rất nhiều chênh lệch.

Bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao. Bên cạnh đó, thời tiết những tháng đầu năm không thuận lợi, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra sớm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn. Trước tình hình đó, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp vừa phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2019

*Trisedco là nhà máy chế biến bột cá, mỡ cá từ nguyên liệu phụ phẩm của cá Tra fillet, do đó tình hình kinh doanh của Trisedco chịu tác động trực tiếp bởi tình hình nuôi trồng và sản xuất của các nhà máy cá Tra fillet.*

### Tình hình sản xuất cá Tra:

Theo Bộ NN&PTNT, năm 2019 tổng diện tích nuôi cá Tra ở Đồng Bằng Sông Cửu Long ước đạt khoảng 6,6 nghìn ha, tăng 22,2% so với năm 2018. Sản lượng đạt 1,42 triệu tấn, tương đương với năm 2018. Trong đó sản lượng tập trung ở các tỉnh như: Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Cần Thơ,...

### Giá cá Tra giống:

Cả nước hiện nay có nhiều cơ sở sản xuất giống cá Tra, 3.000 ha ương dưỡng cá giống, sản xuất được khoảng 21 tỷ cá Tra bột, hơn 2,1 tỷ cá Tra giống. Năm 2019, cá giống loại 30-35 con/kg có giá phổ biến từ 17.000 - 30.000 đồng/kg

### Giá cá Tra nguyên liệu:

Năm 2019, diễn biến cá Tra nguyên liệu tại ĐBSCL có nhiều khó khăn. Trong đó, mức giá cao nhất của năm vào giữa tháng 02/2019 với mức trung bình khoảng 34.000 - 34.500 đồng/kg. Sau đó, giá giảm dần và rơi xuống mức thấp nhất vào cuối tháng 11/2019 với mức giá dao động từ 19.000 - 19.500 đồng/kg. Tháng 12/2019, giá cá tăng nhẹ thêm khoảng 1.000 đồng/kg lên mức từ 20.000 - 20.500 đồng/kg. Với mức giá này, giá cá nguyên liệu đã giảm khoảng 44% so với cùng kỳ năm 2018

### Giá cá Tra xuất khẩu:

Giá cá tra phile đông lạnh XK cũng biến động tăng giảm theo giá cá nguyên liệu. Trong đó, mức giá XK cao nhất rơi vào khoảng tháng 2-3/2019 với mức 2,95 - 2,98 USD/kg. Tuy nhiên, quý IV/2019, giá XK đã giảm xuống còn khoảng 2,2 USD/kg.



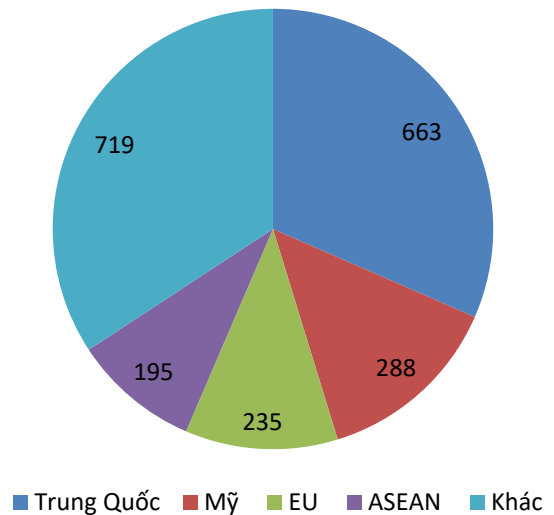
### Tình hình xuất khẩu cá Tra:

Theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy Sản Việt Nam năm 2019 xuất khẩu cá Tra giảm 20% so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2019, Kim ngạch xuất khẩu đạt 2,1 tỷ USD. Trong đó thị trường Trung Quốc – Hồng Kông đạt 619,6 triệu USD tăng 22,7%, từ đó thấy được triển vọng xuất khẩu cá Tra ở thị trường này là rất lớn và trọng tâm của nhiều doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra Việt Nam.

Năm 2019, ngành cá Tra đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức như diện tích ương giống, nuôi thương phẩm ở một số địa phương tăng dẫn đến dư cung, kim ngạch xuất khẩu đi một số thị trường lớn như Mỹ, EU bắt đầu giảm từ tháng 02/2019, Ả rập-xê út vẫn đóng cửa đối với sản phẩm thủy sản Việt Nam, một số quốc gia lân cận đã phát triển nuôi cá tra,... dẫn đến những khó khăn rất lớn cho việc tiêu thụ như hiện nay.

### GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CÁ TRA NĂM 2019

Đvt: triệu USD



### Giá phụ phẩm cá Tra, bột, mỡ cá Tra:

Giá phụ phẩm cá tra cũng biến động theo giá nguyên liệu cá tra, giá có xu hướng giảm ở các tháng gần giữa năm. Do nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau dẫn đến lượng cung ứng phụ phẩm đến các nhà máy sản xuất bột cá khan hiếm, nên giá phụ phẩm có rất nhiều biến động.

Theo Tổ chức Bột Cá và Dầu Cá Quốc tế (IFFO), hạn ngạch đánh bắt cá ở Peru năm 2019 giảm khá nhiều so với năm 2018. Do đó việc xuất khẩu bột cá sẽ có rất nhiều thuận lợi, giá thành sẽ ổn định.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÁ TRA NĂM 2020

### Kế hoạch năm 2020 và những thuận lợi

Theo Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam, Cá tra đã được nuôi và phát triển chủ yếu ở 10 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, bao gồm: An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, và hai các tỉnh (Tây Ninh và Quảng Nam) với tổng diện tích canh tác 5.400 ha (năm 2018) và dự kiến sẽ tăng lên tới 7.600 - 7.800 ha vào năm 2020. Các tỉnh Cần Thơ, An Giang và Đồng Tháp là những vùng nuôi lớn nhất cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm hơn 75% tổng sản lượng cá tra cả nước. Ngành cá tra tự kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu theo hướng sản xuất bền vững theo chuỗi.

### Những thách thức đối với cá Tra năm 2020

Năm 2020, dự báo không chỉ riêng ngành cá tra mà cả ngành nông nghiệp sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là ở thị trường Trung Quốc. Do những tác động của dịch bệnh, các doanh nghiệp Việt Nam cần tìm kiếm thị trường mới.

1. Tình trạng hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn diễn biến phức tạp tác động không nhỏ đến diện tích và sản lượng cá tra nguyên liệu trong năm 2019.
2. Yêu cầu khắt khe của thị trường đòi hỏi doanh nghiệp trong ngành muốn cải thiện chất lượng ngành hàng cá tra sẽ phải tập trung vào việc cải thiện chất lượng con giống.

3. Giá thành sản xuất cao do chưa áp dụng nhiều những tiến bộ về khoa học – Kỹ thuật.

4. Hiện nay, có nhiều quốc gia đã đẩy mạnh sản xuất cá Tra như Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia.

### Một số giải pháp phát triển bền vững ngành hàng

Năm 2020, cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới đã khiến giá thủy sản xuất khẩu Việt Nam luôn bị áp lực, kéo theo giá trị xuất khẩu không đạt kỳ vọng đã đề ra.

1. Cần đảm bảo sản xuất, cung ứng đủ nguồn giống chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phối hợp với các nhà khoa học, các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia chọn tạo cá tra bố mẹ, sản xuất cá tra giống có chất lượng cao.

2. Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

3. Tập trung vào nâng cao năng lực, thúc đẩy việc sản xuất có trách nhiệm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tác động đến môi trường, giảm chi phí sản xuất.

4. Các địa phương có vùng nuôi cá tra cần chủ động bố trí kinh phí phục vụ công tác quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh và giám sát chất lượng nguyên liệu cá tra.

5. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại cho sản phẩm cá tra để tăng sức cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.





## PHÂN TÍCH SWOT



- Công ty uy tín hàng đầu về chất lượng sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm bột cá – mỡ cá tiêu chuẩn đã được quy định chủ thể ở những quốc gia nhập khẩu.
- Trisedco đứng vị trí số 1 trong việc sản xuất và xuất khẩu bột cá ở Việt Nam giai đoạn 2017 – 2019.
- Mạng lưới khách hàng thân thiết và các quan hệ đối tác trung thành uy tín qua nhiều giai đoạn, từ đó chủ động tạo được doanh thu cao từ sản phẩm tự sản xuất và sản phẩm thương mại.
- Đội ngũ quản lý giỏi, gắn bó, có kinh nghiệm. Đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, từng tham gia hội thảo, hội chợ thương mại ở một số khu vực.
- Công suất thiết kế của nhà máy nằm trong những nhà máy sản xuất bột cá tra hàng đầu khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long. Ngoài sản xuất, Công ty còn có khả năng thu mua thương mại với khối lượng lớn nhằm hướng đến các thị trường xuất khẩu mới nhiều hơn hiện tại.
- Nguồn lực tài chính mạnh, kinh doanh hiệu quả với sự hỗ trợ mạnh từ Tập đoàn Sao Mai. Công ty có thực hiện một số dự án đầu tư hiện đại, thu hút nhiều nhân lực giỏi, đầu tư R&D và huy động vốn.
- Chủ động nguồn nguyên liệu cá Tra do công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Tập đoàn có quy trình khép kín từ con giống đến vùng nuôi cá fillet cá Tra xuất khẩu.
- Có sự hiểu biết và kết nối rộng ở các thị trường nước ngoài khác nhau hỗ trợ cho chiến lược quảng bá và phát triển thương hiệu.

- Có ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất là chiến lược lớn nhưng chưa khai thác tối đa hiệu quả của các chiến lược mang lại. Chưa có nhiều ứng dụng mang tính đột phá cao.
- Chưa đủ cạnh tranh về “giá” giữa các thị trường có phân khúc khác nhau.
- Cơ sở vật chất hiện đại nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế cùng với sự phát triển nhanh chóng của thời đại.
- Công tác đầu tư còn chậm so với tiến độ, đặc biệt là các dự án lớn phải được phê duyệt từ nhiều cấp.
- Kế hoạch Marketing và bán hàng có được nâng cấp và cải thiện qua tuần năm nhưng chưa đạt hiệu quả cao nên việc chủ động tìm khách hàng mới vẫn còn nhiều khó khăn nhất định.
- Với sự phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm qua, số lượng nhân sự tuyển dụng chưa đủ và kịp thời nguồn lao động trực tiếp.
- Xét về chất lượng bột cá biển từ các quốc gia khác như Peru, Chile... vẫn chiếm ưu thế rõ nhất về độ đậm. Do đó, để cạnh tranh với bột cá biển thì bột cá Tra Việt Nam vẫn gặp những khó khăn lớn.
- Sản xuất bột cá xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn ở thị trường Trung Quốc, phụ thuộc khá lớn vào thị trường này. Do đó, cần phải đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để phân tán sự rủi ro ở mức thấp nhất.







- Tiềm năng phát triển của thị trường còn rất lớn
- Là một trong những công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai, có cơ hội phát triển R&D từ các mối quan hệ hợp tác, liên doanh liên kết, nhận chuyển giao công nghệ, mua các đề tài khoa học, thuê nghiên cứu,...
- Chính sách nhà nước, các Hiệp định thương mại song phương mở ra cho công ty nhiều ưu đãi và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nhận được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, hỗ trợ cho những chương trình nghiên cứu phát triển, xúc tiến thương mại tiếp thị và quan hệ công chúng tạo nên hình ảnh tốt của ngành bột cá trong tương lai.
- Nền kinh tế hội nhập, nhiều nhà sản xuất thiết bị, dây chuyền sản xuất tiếp cận thị trường Việt Nam tạo điều kiện cho nguồn lực Trisedco tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới hiện đại hơn.
- Dung lượng thị trường ngày càng mở rộng, nhu cầu bột cá ở thị trường Trung Quốc có thể nói là không giới hạn. Bên cạnh những thị trường có nhiều hứa hẹn khác như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc,...
- Nhiều điểm mạnh của Trisedco tạo được lợi thế cho Trisedco thu hút nguồn vốn vay từ các ngân hàng tạo nên nền tảng tài chính rất tốt phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Đa số các hoạt động mua bán đều thông qua hình thức đấu thầu, chào giá cạnh tranh cho nên sẽ khai thác các nguồn lực và chi phí tối ưu để mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu nhất.

- Chi phí chưa được kiểm soát tốt, do giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất ngày càng tăng.
- Lực lượng lao động trực tiếp có thể bị cạnh tranh với các ngành khác.
- Các rào cản về thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu.
- Việc mở rộng kinh doanh thương mại sẽ tăng khả năng đáp ứng hàng hóa nhưng công ty có thể phải đối mặt với vấn đề kiểm soát và hạn chế các mối nguy ảnh hưởng đến chất lượng.
- Sự bảo hộ hàng nội địa của các nước nhập khẩu ngày càng cao. Yêu cầu chất lượng sản phẩm xuất khẩu ngày càng cao.
- Sự cạnh tranh với các sản phẩm của các nước khác ngày càng khốc liệt.
- Các vấn đề liên quan đến môi trường và khí hậu
- Thị trường Thái Lan là thị trường xuất khẩu bột cá rất tiềm năng nhưng Công ty vẫn chưa xâm nhập sâu rộng vào thị trường này.
- Trisedco là một công ty xuất khẩu bột cá Tra hàng đầu của Việt Nam, tạo được vị thế dẫn đầu thị trường. Mọi hoạt động của Trisedco về bột cá đều có tác động đến giá cả của thị trường. Do đó việc thu mua được nguồn hàng chất lượng cao với giá rẻ gặp nhiều khó khăn.
- Thị trường Trung Quốc khá tinh khôn và đoàn kết trong việc điều tiết bột cá nhập khẩu nên lợi nhuận biên của hàng hóa này ít và tăng rất chậm.



## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

### KẾ HOẠCH THU MUA NGUYÊN LIỆU

Công ty Trisedco chỉ sử dụng nguồn nguyên liệu phụ phẩm từ các công ty thành viên trong tập đoàn Sao Mai và các đơn vị cung cấp có khoảng cách từ 20-30km. Trong năm 2020, các công ty thành viên của tập đoàn Sao Mai dự kiến sản xuất bình quân 10.000 tấn nguyên liệu cá/tháng. Do đó trong năm 2019, nguồn nguyên liệu phụ phẩm cung cấp cho Trisedco

dự kiến khoảng 6.500 tấn nguyên liệu phụ phẩm/tháng.

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bột cá – mỡ cá nên công ty có thể thu mua nguyên liệu phụ phẩm từ bên ngoài khoảng 30% so với nguyên liệu được cung cấp từ nội bộ để tăng công suất sản xuất.

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch kinh doanh 2020				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
I	<b>Sản lượng</b>						
1	<b>Hàng hóa</b>	Tấn	<b>17.668</b>	<b>21.825</b>	<b>26.258</b>	<b>23.950</b>	<b>89.701</b>
	- Sản phẩm chính	Tấn	<b>17.400</b>	<b>21.500</b>	<b>25.900</b>	<b>23.610</b>	<b>88.410</b>
	Bột cá	Tấn	12.900	15.800	19.400	17.010	65.110
	Mỡ - Dầu	Tấn	4.500	5.700	6.500	6.600	23.300
	- Sản phẩm phụ	Tấn	268	325	358	340	1.291
	Bong bóng cá	Tấn	165	195	215	204	778
	Bao tử cá	Tấn	85	103	113	108	409
	Ức cá	Tấn	3	9	10	10	32
	Vây cá	Tấn	15	18	20	19	72
2	<b>Cho thuê nhà máy dầu</b>	Tháng	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>12</b>
II	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>398.163</b>	<b>487.364</b>	<b>586.376</b>	<b>528.097</b>	<b>2.000.000</b>
1	<b>Hàng hóa</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>385.663</b>	<b>474.864</b>	<b>573.876</b>	<b>515.597</b>	<b>1.950.000</b>
	- Sản phẩm chính	<b>Triệu đồng</b>	<b>374.520</b>	<b>461.540</b>	<b>559.220</b>	<b>501.661</b>	<b>1.896.941</b>
	Bột cá	Triệu đồng	307.020	376.040	461.720	402.661	1.547.441
	Mỡ - Dầu	Triệu đồng	67.500	85.500	97.500	99.000	349.500
	- Sản phẩm phụ	<b>Triệu đồng</b>	<b>11.143</b>	<b>13.324</b>	<b>14.656</b>	<b>13.936</b>	<b>53.059</b>
	Bong bóng cá	Triệu đồng	8.745	10.335	11.369	10.800	41.249
	Bao tử cá	Triệu đồng	2.125	2.575	2.833	2.691	10.223
	Ức cá	Triệu đồng	48	144	158	160	510
	Vây cá	Triệu đồng	225	270	297	285	1.077
2	<b>Cho thuê nhà máy dầu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>12.500</b>	<b>12.500</b>	<b>12.500</b>	<b>12.500</b>	<b>50.000</b>

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

### DỰ KIẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	Chênh lệch 2020/2019	
			Giá trị	Tỉ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.000.000	2.493.276	-493.276	-19,8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	7	-7	-100,0%
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.493.276</b>	<b>-493.276</b>	<b>-19,8%</b>
4. Giá vốn hàng bán	1.899.408	2.367.922	-468.514	-19,8%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>100.592</b>	<b>125.346</b>	<b>-24.754</b>	<b>-19,7%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.315	23.262	-3.947	-17,0%
7. Chi phí tài chính	45.441	54.748	-9.307	-17,0%
8. Chi phí bán hàng	44.458	53.564	-9.106	-17,0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.131	14.212	1.919	13,5%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12.968</b>	<b>10.292</b>	<b>2.676</b>	<b>26,0%</b>
11. Thu nhập khác	45.367	69.357	-23.990	-34,6%
12. Chi phí khác				
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>169</b>	<b>145</b>	<b>24</b>	<b>16,6%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>-169</b>	<b>-145</b>	<b>-24</b>	<b>-16,6%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.198	69.212	-24.014	-34,7%
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>40.000</b>	<b>62.272</b>	<b>-22.272</b>	<b>-35,8%</b>

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2020

- Tinh gọn bộ máy nhân sự nhằm giảm chi phí quản lý và khai thác tối đa nguồn nhân lực;
- Cải tiến dây chuyền Thái Lan với mục đích trước mắt trong năm 2020 dùng để chạy dự phòng và chuẩn bị cho việc tăng sản lượng vào năm 2021 khi nhà máy số 3 của IDI đi vào hoạt động.
- Phán đoán giá thị trường là chìa khóa quan trọng để tăng tỷ suất sinh lời của bột cá thương mại trên cơ sở mua thấp, bán cao.
- Nhanh chóng hoàn thành mở rộng bãi tiếp liệu để tăng diện tích hiện tại, tạo điều kiện thuận lợi rút ngắn thời gian sản xuất, nâng cao hơn nữa chất lượng thành phẩm và tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm phụ.
- Hoàn thiện kho chứa trấu xá số 2 và kết nối với kho số 1 để tăng không gian chứa trấu nhằm luôn đảm bảo đủ nguyên liệu đốt trong điều kiện thời tiết mưa bão dài ngày và trữ hàng khi giá rẻ.



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA HĐQT

*“Cùng với nền tảng phát triển vượt bậc năm 2018, năm 2019 Trisedco tiếp tục phát triển. Mặc dù trong năm phải đối mặt với khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và ảnh hưởng của nền kinh tế Việt Nam nói riêng nhưng Trisedco đã đạt được doanh thu 2.493 tỷ đồng tăng 57,1% so với năm 2018. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 62 tỷ đồng tăng 20,8% so với năm 2018. Cùng với sự nỗ lực của của tập thể CB – CNV và sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Lãnh đạo với những chiến lược chủ động nâng cao giá trị sản phẩm.”*

### Về chiến lược phát triển

HĐQT tiếp tục định hướng chiến lược 5 năm giai đoạn 2017 – 2021 và những điều chỉnh kịp thời được HĐQT xem xét và đưa ra một số quyết định như sau: mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng vốn điều lệ nhằm tăng sức mạnh giá trị công ty,...

### Về cổ tức

Năm 2019, công ty đã tiến hành chi trả cổ tức bằng hình thức phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ và được hoàn thành vào tháng 07/2019.

### Về vị thế kinh doanh

Trisedco là một trong những công ty dẫn đầu về sản xuất và xuất khẩu bột cá Tra hiện nay. Thị phần cung ứng sản phẩm trong thời gian qua không ngừng mở rộng và phát triển. Ngoài ra, trong năm 2019 Trisedco còn không ngừng đẩy mạnh việc đầu tư trang thiết bị, máy móc, xây dựng thêm nhà kho, mở rộng diện tích sản xuất, diện tích khu vực tiếp nhận nguyên liệu để chủ động kiểm soát được sản lượng sản xuất phù hợp với thị trường tiêu thụ hiện nay.

### Công tác quản lý

Công ty tiếp tục tăng cường công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì định kỳ hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Đẩy mạnh những công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà máy, chú trọng trong việc giám sát chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình và an toàn lao động. Thực hiện rà soát, xây dựng chiến lược kinh doanh của công ty trong ngắn hạn và dài hạn để hướng đến mô hình phát triển bền vững.

### Về sản xuất kinh doanh

- Về doanh số thực hiện 2.493 tỷ đồng, tăng 57,1% so với năm 2018

- Về lợi nhuận trước thuế: thực hiện 69,1 tỷ, tăng 17,3% so với năm 2018.

### Quản trị & Phát triển bền vững

Năm 2019, HĐQT đưa ra những định hướng về nâng cao quản trị doanh nghiệp và thực hiện các chính sách phát triển bền vững.

### Công tác nhân sự

Trong năm 2019, Công ty đã đảm bảo được nguồn nhân lực trong điều kiện tuyển dụng CB – CNV khó khăn như hiện nay. Trisedco luôn luôn ghi nhận những ý kiến đóng góp để phát triển vì lợi ích chung, thực hiện chi trả lương, thưởng và những phúc lợi cần thiết của người lao động theo quy định của Pháp Luật. Đồng thời, luôn luôn hỗ trợ kịp thời cho người thời cho những người lao động có hoàn cảnh khó khăn, nhằm đảm bảo về mặt tinh thần và vật chất để họ yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.





### GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ vào điều lệ Công ty và Quy Chế Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2019 như sau:

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo tại cuộc họp định kỳ về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn và việc triển khai nghị quyết của HĐQT.

Đánh giá tiến trình, kết quả mang lại từ sự hợp tác kinh doanh giữa công ty và các đối tác chiến lược để mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty theo chiều rộng và chiều sâu.

Ban hành các chính sách, quyền lợi nhằm đảm bảo lợi ích cho người lao động. Có các chính sách thay đổi luân chuyển nhân sự nhằm phát huy tối đa khả năng làm việc của CB – CNV của Công ty.

Thực hiện CBTT kịp thời để nâng cao tính minh bạch trong quá trình hoạt động của Công ty, giúp Cổ đông nhà đầu tư nắm rõ tình hình hoạt động cũng như đảm bảo quyền lợi của Công ty.

Hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành công ty thực hiện đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành của Công ty.

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động năm 2019, xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020, rà soát thực hiện kế hoạch giai đoạn 2017 - 2021

HĐQT phê duyệt cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các dự án thuê tài chính, đầu tư trang thiết bị, tài sản theo nhu cầu thực tế nhằm phát triển Công ty và đáp ứng các chỉ tiêu của ĐHĐCĐ thông qua.

Triển khai các đề án tái cơ cấu, cải tiến lại quy trình sản xuất để tăng hiệu quả sử dụng cho thiết bị, tiết kiệm và giảm chi phí.

*Theo đánh giá của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện khá tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2019 bao gồm tuân thủ theo các quy định hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát và quản lý.*



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THUẬN LỢI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hoàn thành được các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 và tăng trưởng so với năm 2018.



2. Với sự phát triển mạnh mẽ trong điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, Trisedco đã và đang khẳng định được thương hiệu và vị trí trên thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước đặc biệt là thị trường Trung Quốc, thị trường tiêu thụ thức ăn giá súc, thủy sản lớn nhất thế giới.



3. Có sự đổi mới trong điều hành, quản trị công ty. Cải tiến về quy trình làm việc, công khai, minh bạch trong việc mua bán hàng hóa, xây dựng cơ cấu tổ chức, hệ thống quy chế đầy đủ, phân công trách nhiệm rõ ràng. Nhân viên được tự do sáng tạo, trình bày ý kiến của mình với lãnh đạo công ty trong những vấn đề bất cập xảy ra.



4. Xuất khẩu năm 2019 ổn định, do đó Trisedco vẫn là công ty xuất khẩu bột cá Tra lớn nhất ở Việt Nam.



## **NHỮNG VIỆC CHƯA LÀM ĐƯỢC**

1. Tích cực tìm kiếm thêm đối tác, khách hàng mới để mở rộng thị trường.
2. Việc nâng cấp dây chuyền Thái Lan chưa thực hiện được trong năm 2019.
2. Tiếp tục nâng cao chất lượng và cải thiện độ đậm bột cá nhằm nâng cao hơn nữa giá trị bột và đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia mà Công ty xuất khẩu sang; cũng như chưa có giải pháp ngăn ngừa những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và bảo quản thành phẩm trong thời gian dài.

## **BÁO CÁO THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC NĂM 2019**

<b>MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC</b>	<b>CHỈ TIÊU 2017 - 2021</b>	<b>KẾ HOẠCH 2019</b>	<b>THỰC HIỆN 2019</b>
<b>1. TỐI ĐA HÓA GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>			
Quản lý chi phí hiệu quả	≥ 3,1%	3,1%	2,5%
Quản lý tài sản hiệu quả	≥ 2,7%	2,7%	3,95%
Nguồn vốn được huy động và đầu tư hiệu quả	≥ 6,7%	6,7%	10,6%
<b>2. LÀ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH BỘT – MỠ CÁ HÀNG ĐẦU</b>			
Đạt vị thế Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bột, mỡ cá Tra hàng đầu Việt Nam về doanh thu	- Tăng trưởng doanh thu trung bình từ 10% đến 15%/năm. Đạt doanh thu 2.500 tỉ vào năm 2021. - Lộ trình kế hoạch doanh thu từng năm: + 2020: 2.130 tỷ đồng + 2021: 2.500 tỷ đồng	Doanh thu thuần năm 2019: 1.850 tỷ đồng	Doanh thu thuần 2.493 tỷ đồng Đạt 134,8% so với kế hoạch
Đạt vị thế Doanh nghiệp xuất khẩu bột cá Tra lớn nhất Việt Nam.	Duy trì thị phần xuất khẩu bột cá nằm trong top 3 của Việt Nam.	Đạt thị phần xuất khẩu bột cá Tra đứng thứ 2 về bột cá nói chung và đứng thứ nhất về bột cá Tra nói riêng.	Duy trì được vị thế so với năm 2018



## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU 2017 - 2021	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019
<b>3. CẢI THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN TỐT CÁC NGUỒN LỰC NỀN TẢNG</b>			
Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn hóa quy chế và quy trình quản trị doanh nghiệp theo qui định của Nhà nước, thông lệ quốc tế, phù hợp với doanh nghiệp.</li> <li>- Xây dựng quy chế kiểm soát nhằm dự báo, phát hiện và ngăn ngừa rủi ro gắn liền với tất cả hoạt động của công ty.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện, thống nhất tất cả các văn bản của công ty về nội qui, quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các phòng, ban.</li> <li>- Duy trì thực hiện qui định trong sản xuất để đạt được các giấy chứng nhận về chất lượng trong sản xuất như: GMP+, IFFO, HACCP, ISO nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các mối nguy, rủi ro trong sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành Hồ sơ các văn bản pháp qui để chuẩn hóa tất cả các hoạt động, tổ chức trong công ty một cách thống nhất.</li> <li>- Đã được cấp chứng nhận IFFO là một trong những điều kiện quan trọng để xuất khẩu bột cá sang Thái Lan và một số quốc gia khác.</li> </ul>
Quản trị tài chính hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác hiệu quả chính sách ưu đãi về thuế đối với mặt hàng mà công ty đang sản xuất.</li> <li>- Khai thác hiệu quả nguồn vốn vay thông qua các dịch vụ của ngân hàng.</li> </ul>	Hoàn thiện hiệu quả các nhiệm vụ vay vốn tài chính thông qua các dịch vụ từ ngân hàng.	Trisedco đã được hưởng các ưu đãi về lãi suất, tỷ giá ở các Ngân hàng.
Xây dựng và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.	Tiếp nhận nguồn nhân lực mới và đào tạo theo hướng kế thừa.	Xem xét những vị trí trong các bộ phận của công ty còn thiếu nhân lực để đề xuất với Tập đoàn tăng cường, điều động về.	Trong năm 2019 đã tiếp nhận thêm nhân viên ở một số vị trí.

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích lập 2019	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế 2019		<b>62.271.882.843</b>
Quỹ đầu tư phát triển	5% lợi nhuận sau thuế	3.113.594.142
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	5% lợi nhuận sau thuế	3.113.594.142
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5% lợi nhuận sau thuế	3.113.594.142
Chia cổ tức 2019	Không thực hiện chia cổ tức năm 2019	

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*“Năm 2019 đánh dấu một năm thành công đối với Trisedco trong thời gian nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Với mô hình sản xuất được đầu tư từ nhiều năm qua và những thuận lợi về thị trường, vùng nguyên liệu từ năm 2018 từ đó năm 2019 là một năm phát triển vượt bậc của Trisedco”*

Tính đến thời điểm 31/12/2019 mô hình hoạt động của Công ty Trisedco bao gồm:

- Nhà máy sản xuất: một nhà máy sản xuất bột cá – mỡ cá với 03 dây chuyền sản xuất trực thuộc Công ty Trisedco với tổng công suất 470 tấn nguyên liệu/ngày.
- Nhà máy tinh luyện dầu: một nhà máy tinh luyện dầu ăn với 02 dây chuyền tinh luyện đã hoàn thiện đưa vào sử dụng và 01 dây chuyền sản xuất Margarine đang trong giai đoạn lắp đặt.
- Các công ty liên doanh liên kết: Công ty Cổ phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính – ASTAR.

Bối cảnh chung của thị trường ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Trisedco. Các lợi thế cạnh tranh nổi bật của Công ty có được môi trường thuận lợi để phát huy rõ rệt. Đồng thời, với những tiền đề và đà tăng trưởng tạo nên sức bậc để năm 2019 Trisedco đã nhả vọt về doanh thu. Qua đó, công ty cũng đã tạo được một vị thế về thương hiệu, sự lớn mạnh về đội ngũ.

Kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu phát triển năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đặt ra khá cao. Tuy nhiên kết quả thực hiện mà Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động của Trisedco đã đạt được vượt cao so với mong đợi. Thành tích này đã giúp Trisedco thiết lập mức tăng trưởng cao nhất sau hơn 10 năm hình thành và phát triển.

### MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

#### Thuận lợi

- Trisedco là một trong những công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai An Giang nên nhận được sự hỗ trợ tối đa về tài chính, đầu tư và các điều kiện thuận lợi để tổ chức sản xuất, kinh doanh từ tập đoàn và các công ty thành viên khác.
- Nguồn nguyên liệu là phụ phẩm cá Tra được cung cấp ổn định từ công ty IDI, phạm vi vận chuyển gần, tỉ lệ vụn được đảm bảo nên chất lượng sản phẩm có chỉ số về độ tươi rất tốt và độ đậm của bột cá luôn được duy trì.
- Dây chuyền sản xuất mới lắp đặt có công suất 200 tấn và decanter tách mỡ đã hoạt động ổn định, cho ra thành phẩm bột, mỡ có chất lượng tốt.
- Nhà kho mới đã được hoàn thiện và đi vào sử dụng làm tăng không gian lưu trữ hàng hóa, hỗ trợ tốt cho việc trữ hàng và xuất hàng.
- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm phụ (bong bóng, bao tử) đã được khai thác tối đa nhờ những chính sách khích lệ, tạo động lực cho công nhân tích cực làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.
- Tại thị trường Trung Quốc nhãn hiệu bột cá của Trisedco cũng đã có một chỗ đứng nhất định. Từ đó xây dựng được mối quan hệ với nhiều khách hàng lớn, uy tín tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bán hàng.

#### Khó khăn

- Hoạt động thương mại bột cá ngày càng khó khăn do một số ít nhà máy đang chuẩn bị được cấp giấy phép xuất sang thị trường Trung Quốc trong khi các nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá nội địa khác cũng đã tìm đường xuất sang một số nước không cần có giấy phép nhập khẩu. Do đó, thị trường nội địa ngày càng thu hẹp và khoảng cách giá nội địa và giá xuất khẩu dần trở thành giá thị trường chung, có đôi lúc giá nội địa cao hơn cả giá xuất khẩu.
- Thị trường phụ phẩm hiện nay rất khó để mua ngoài để tăng sản lượng sản xuất do các nhà máy phụ phẩm hầu như đã thống nhất phân chia các nhà máy phi lê để thu mua phụ phẩm và đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài từ trước.
- Cuối năm 2019, lượng tồn kho ở các nhà máy phi lê khá lớn. Do đó, trong ngắn hạn, qui mô sản xuất của các nhà này cũng giảm dẫn đến lượng phụ phẩm cũng giảm theo. Sẽ có hiện tượng tranh mua dẫn đến giá nguyên liệu tăng cao, làm thu hẹp biên lợi nhuận.
- Sang năm 2020, tình hình dịch tả heo Châu Phi khả năng lắng dịu, Nhà nước khuyến khích người dân tái đàn, nhu cầu tiêu thụ thức ăn nội địa sẽ tăng mạnh. Bột cá sẽ được tiêu thụ trong nước nhiều hơn trước, giá nội địa có thể sẽ luôn được duy trì ở mức cao là một yếu bất lợi để Trisedco làm thương mại.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM 2019

### KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

Doanh thu thuần là 1.586,79 tỷ đồng đạt 96% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế là 58,9 tỷ đồng đạt 127% so với kế hoạch đặt ra. Trong năm Trisedco đã tăng cường mở rộng kênh tiêu thụ hàng hóa, thị trường mới.

### KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019

Doanh thu thuần là 2.493,27 tỷ đồng tăng 57,12% và lợi nhuận trước thuế là 69,21 tỷ đồng tăng 17,39% so với cùng kỳ năm 2018. Tận dụng những cơ hội trong giai đoạn chuyển biến của nền kinh tế năm 2019 tạo điều kiện cho sự phát triển của Trisedco. Trong năm 2019, Trisedco đã đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm gia tăng sản lượng sản xuất, bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư thêm kho hàng hóa với sức chứa 5.000 tấn. Từ những yếu tố đó, giúp Công ty tiết kiệm được khá nhiều chi phí phát sinh liên quan hoặc tranh thủ được những thời cơ giá sản phẩm biến động để tranh thủ thu gom hàng hóa.

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

### Sản lượng sản xuất bột cá, mỡ cá năm 2019 (ĐVT: tấn)

Sản phẩm	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	2019/Kế hoạch		2019/2018	
				SL	TL	SL	TL
Bột cá	8.796	14.355	11.548	-2.807	-19,55%	2.752	31,29%
Mỡ Cá	15.040	19.140	15.055	-4.085	-21,34%	15	0,10%

Tình hình sản xuất bột cá, mỡ cá năm 2019 mặc dù bị ảnh hưởng nhiều do tình trạng khan hiếm nguyên liệu, và đặc điểm đặc biệt của phụ phẩm cá Tra là phải tươi nên phạm vi thu mua có nhiều hạn chế, nhưng kết quả sản xuất vẫn tăng trưởng nhất định so với năm 2018. Cụ thể bột cá năm 2019 đạt 11.548 tấn

tăng 31,29% so với năm 2018. Mỡ cá đạt 15.055 tấn tương đương so với năm 2018. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất không đạt như kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính là do nguồn cung cấp phụ phẩm hiện nay khan hiếm và có nhiều điều kiện trong quá trình vận chuyển.

## HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

### Sản lượng thương mại bột cá, mỡ cá năm 2019 (ĐVT: tấn)

Sản phẩm	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	2019/Kế hoạch		2019/2018	
				SL	TL	SL	TL
Bột cá	38.082	25.955	70.091	44.136	170,05%	32.009	84,05%
Mỡ Cá	20.841	15.000	16.531	1.531	10,21%	-4.310	-20,68%

Năm 2019 là năm phát triển vượt bậc về thương mại bột cá. Cụ thể, sản lượng thương mại bột cá năm 2019 đạt 70.091 tấn, tăng 84,05% so với năm 2018 và đạt 170,05% so với kế hoạch. Giá trị thương mại bột cá đạt 1.488 tỷ đồng, lượng bột này chủ yếu được thu mua từ các nhà máy sản xuất bột cá có uy tín ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trái ngược với bột cá,

mỡ cá chủ yếu trong năm 2018 bán cho Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á là công ty thành viên của Tập Đoàn Sao Mai để tinh luyện dầu ăn. Bên cạnh đó, Trisedco cũng có thương mại mỡ cá cho một số khách hàng như: Cty Vũ Tấn Phát, Cty NT&NT, China Haida Feed Group, Guangdong Haid Group

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM NGHIỆM

1. Tái kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận GMP+
2. Hoàn thành đánh giá và được cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y; giấy chứng nhận hợp quy.
3. Hoàn thiện tái kiểm định ISO 22000:2005 và HACCP
4. Được cấp giấy chứng nhận quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn IFFO.



## HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

- Hoàn thành thủ tục phát hành 2.190.493 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ trong vận hành hệ thống và hoàn hiện các quy trình quản trị doanh nghiệp.
- Đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin cung cấp thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị,.. giúp Ban Tổng Giám đốc đưa ra các quyết định nhanh chóng, chính xác kịp thời
- Triển khai và sử dụng hóa đơn điện tử.





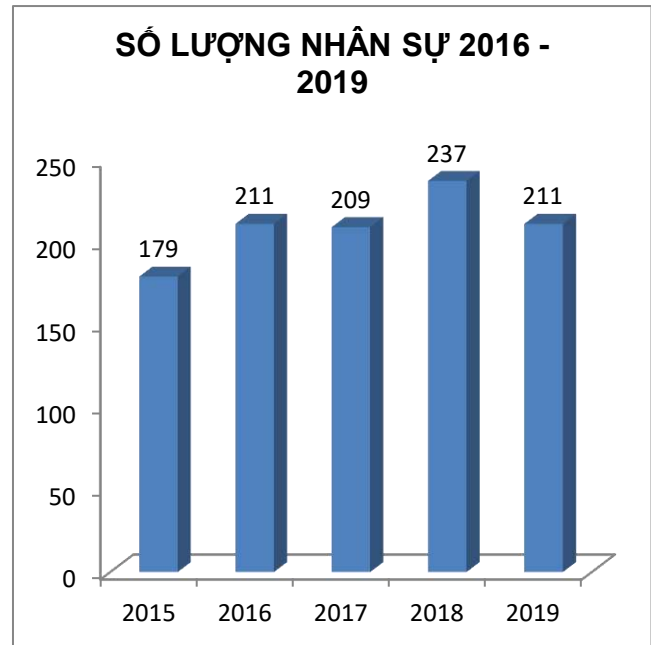
# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

### Số lượng cán bộ công nhân viên:

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 211 người. Xác định con người là nguồn lực quý giá nhất, lấy tiêu chí “trách nhiệm, hợp tác, đăi ngộ” là phương châm hành động để gắn kết lâu dài cùng người lao động. Trong hơn 10 năm phát triển, Trisedco đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, giỏi về chuyên môn, luôn tận tâm vì sự vững mạnh của Công ty.

Nhìn chung, lực lượng lao động không có nhiều biến động so với năm 2018. Cơ cấu lao động theo giới tính khá đồng đều nhau, trình độ học vấn cũng có sự phát triển nhất định. Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty với cơ cấu cụ thể như sau:



Trang 30

## MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Trisedco có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Cán bộ, nhân viên được hưởng các chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật lao động.

### Điều kiện làm việc:

Cán bộ công nhân viên được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, kiểm tra sức khỏe định kỳ. Công nhân được trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

### Khen thưởng:

Công ty đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng, theo dõi mọi Cán bộ - Công nhân viên có thành tích đóng góp vào hiệu quả hoạt động của các bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

### Lương và bảo hiểm phúc lợi:

Công ty áp dụng chính sách tiền lương cho các bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của Trisedco dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Công ty. Thực hiện đầy đủ các chính sách lương thưởng, phúc lợi và trích nộp đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Triển khai chế độ chính như nâng lương, tiền ăn giữa ca giúp ổn định tâm lý NLD.

### Các chế độ khác:

- Khám sức khỏe định kỳ
- Đồng phục và bảo hộ lao động ,....

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### BÁO CÁO THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIẢI NGÂN NĂM 2019

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Hạng mục	KH được phê duyệt	Đã giải ngân đến 31/12/2019	Dự kiến giải ngân 2020	KH giải ngân 2020	% thực tế so với kế hoạch
Dây chuyền tinh luyện dầu ăn thứ 02	140.028	120.429	0	0	86%
Dây chuyền sản xuất bột cá	10.241	0	8.193	8.193	0%
Dây chuyền sản xuất Margarine và Shortening.	51.084	0	40.867	40.867	0%
<b>Tổng</b>	<b>201.353</b>	<b>120.429</b>	<b>49.060</b>	<b>49.060</b>	

(Nguồn tài chính để xây dựng và lắp đặt 03 công trình trên từ hình thức thuê tài chính và vay trung hạn nên chỉ giải ngân từ 75% - 90% giá trị đầu tư)

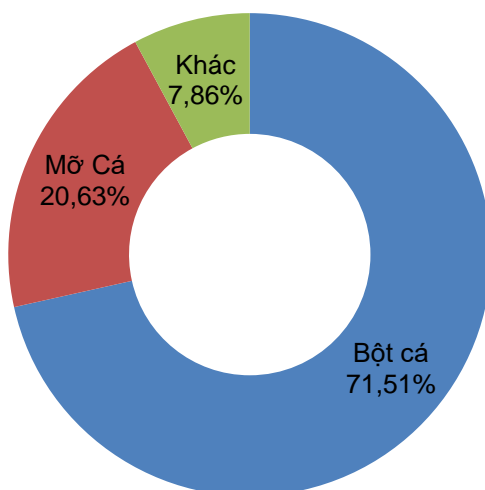
Trong năm 2019, Trisedco có tổng cộng 03 hạng mục công trình được đầu tư và tiến hành thi công lắp đặt với tổng giá trị đầu tư 201.353 triệu đồng. Trong đó hạng mục dây chuyền tinh luyện dầu ăn thứ 02 và dây chuyền sản xuất bột cá đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2019. So với đó, kho chứa thành phẩm với diện tích 1.920 m<sup>2</sup> với sức chứa khoảng 5.000 tấn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Bên cạnh đó, 01 hạng mục còn lại là dây chuyền sản xuất Margarine có công suất 3.300 kg Margarine/giờ và 5.000 kg Shortening/giờ dự kiến sẽ được lắp đặt vận hành vào quý II/2020.



## PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU DOANH THU



Năm 2019, doanh thu từ mặt hàng bột cá vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Trisedco là 71,51%, mỡ cá chiếm 20,63%. Từ đó ta thấy được, Bột cá là mặt hàng chủ lực và then chốt trong hoạt động kinh doanh của Trisedco. Ngoài bột và mỡ thì doanh thu của Trisedco còn từ hoạt động mua bán sản phẩm phụ (sản phẩm giá trị gia tăng như: bong bóng cá, vây cá, ức cá, bao tử,..) và cho thuê tài sản. Mục tiêu chính và chủ yếu của công ty là mở rộng tìm kiếm khách hàng mới và đa dạng hóa thị trường nhằm tăng thị trường bán ra. Từ đó, sản lượng tiêu thụ có bước phát triển ấn tượng trong năm 2019.

Doanh thu mỡ cá chiếm 20,63% cơ cấu tổng doanh thu. Trong năm giá mỡ vẫn còn khá thấp, nên doanh thu của mặt hàng này không đạt như mục tiêu đặt ra. Nhưng trong năm 2019, công ty đã được cấp phép xuất khẩu mỡ cá sang Trung Quốc.

Doanh thu từ sản phẩm phụ và cho thuê tài sản chiếm 7,86% trong cơ cấu doanh thu, khoản doanh thu này chủ yếu để bù đắp giá thành trong quá trình sản xuất. Giá cả của sản phẩm phụ thuộc vào từng thời điểm, có biên độ giao động khá lớn và giá cả phụ thuộc vào từng mùa vụ khác nhau. Tuy nhiên, sản phẩm phụ là một trong những mặt hàng có giá trị kinh tế khá cao. Cần khai thác tối đa để thu lại giá trị cao nhất.



## PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CÁC KẾ HOẠCH ĐỀ RA

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	1.850,02	2.493,27	134,77%
Lợi nhuận sau thuế	60,00	62,26	103,77%

Kết quả đạt được năm 2019 là sự nỗ lực của việc sử dụng nhiều biện pháp do ban điều hành Trisedco đề ra để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, hạn chế tối đa các chi phí, tăng năng suất lao động của công nhân trong toàn Công ty

Thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh: đạt được không thể không kể đến sự đóng góp của đội

ngũ người lao động ở đơn vị ngày càng chuyên nghiệp trong việc thực hiện và kiểm soát các đơn hàng phức tạp, chất lượng cao,... từ đó đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng trên thị trường đặc biệt là đối tác lớn của Trisedco là Trung Quốc và những đối tác khó tính như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,...



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.586,79	2.493,27	57,13%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	116,83	125,35	7,29%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	29,86	23,26	-22,10%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.616,65	2.516,53	55,66%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	58,96	69,21	17,39%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,51	62,27	20,88%
Cổ tức chi trả/VĐL	%	0%	5%	
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	438,15	460,05	



## PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### VỀ CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

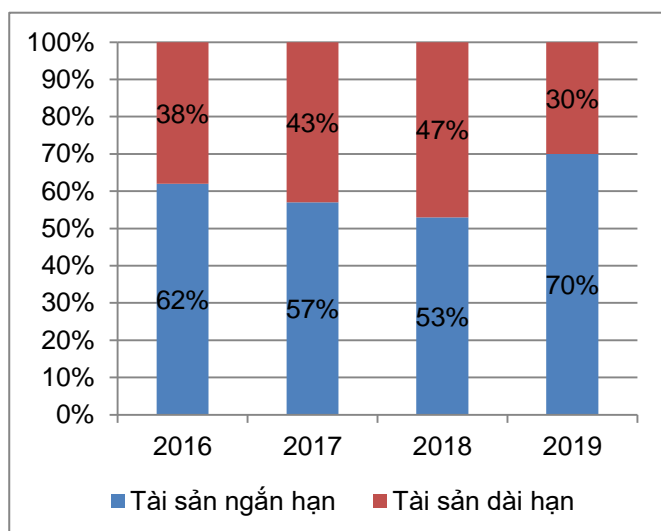
Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	93,23%	93,95%	92,46%	94,97%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,82%	1,79%	1,76%	0,57%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,79%	0,56%	0,77%	0,41%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	3,18%	3,50%	2,87%	2,2%

Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với các năm hầu như gần bằng nhau, nhưng so với những năm trước năm 2019 thì tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nhanh hơn doanh thu thuần nhưng với tốc độ không đáng kể. Cấu trúc chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với những năm gần đây.

Còn theo Tổng chi phí trong năm 2019 của Trisedco thì Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng

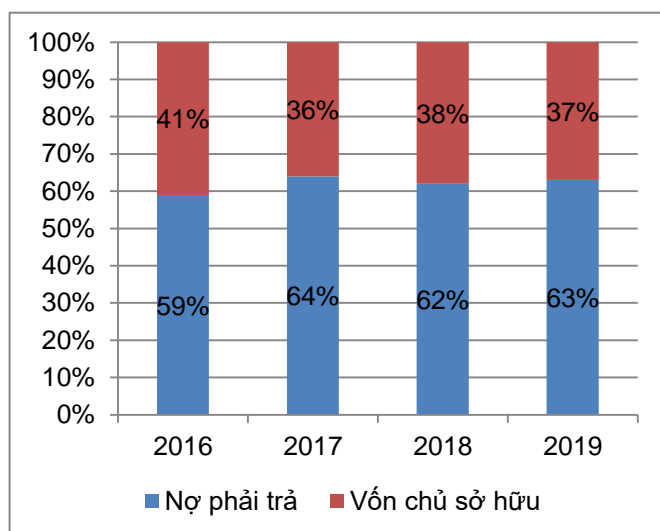
cao nhất trong cơ cấu chi phí của Trisedco. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2019 chiếm 96,76% tổng chi phí, tăng 2,27% trong cơ cấu chi phí so với năm 2018. Chi phí tài chính ở năm 2019 ở 54,75 tỷ đồng tăng 20,31% so với năm 2018. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với năm 2018. Công ty có chính sách quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ hơn và cắt giảm được những chi phí hoạt động không tốt.

### CẤU TRÚC TÀI SẢN – NGUỒN VỐN



Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng từ 53% lên 70% trong tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu các khoản phải thu ngắn hạn. Chủ yếu do các khoản phải thu từ người bán và trả trước cho người bán.

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm



63% và vốn chủ sở hữu chiếm 37%. Cho thấy công ty đang sử dụng nguồn tài trợ bên ngoài khá nhiều để tài trợ cho tài sản. Mặc dù sử dụng nguồn tài trợ từ bên ngoài nhưng Trisedco vẫn duy trì tốt các yếu tố liên quan đến việc vay vốn.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Tỷ suất lợi nhuận gộp	6,1%	7,4%	5,0%
Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE)	5,5%	9,8%	10,6%
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)	2,1%	3,8%	3,95%
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (ROS)	1,8%	3,3%	2,5%
Hệ số thanh toán hiện hành (Lần)	1,22	1,10	1,29
Hệ số thanh toán nhanh (Lần)	1,00	0,83	1,23
Hệ số thanh toán bằng tiền (Lần)	0,28	0,14	0,21
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,61	0,63
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,78	1,59	1,67
Vòng quay khoản phải thu (Vòng)	5,73	7,04	6,07
Vòng quay hàng tồn kho (Vòng)	15,17	9,31	18,64
Vòng quay tổng tài sản (Vòng)	1,19	1,18	1,69



## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### CỔ PHẦN

Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Số cổ phiếu phổ thông	46.005.413 cổ phiếu
Số lượng cổ phần	46.005.413 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành	46.005.413 cổ phiếu
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

STT	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần
1	Trên 5% sở hữu	36.457.564
2	Dưới 5% sở hữu	9.547.849

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Cổ đông trong nước	<b>46.004.658</b>	<b>99,998%</b>
Cá nhân	7.735.833	16,815%
Tổ chức	38.268.825	83,183%
Cổ đông nước ngoài	<b>755</b>	<b>0,002%</b>
Cá nhân	707	0,002%
Tổ chức	48	0,000%
Tổng cộng	<b>46.005.413</b>	<b>100,000%</b>

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu hạn chế quyền chuyển nhượng	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	0	2.067.958	2.067.958	4,50%
1. Hội đồng quản trị	0	2.064.823	2.064.823	4,49%
2. Ban Giám đốc	0	1.809	1.809	0,01%
3. Ban Kiểm soát	0	240	240	0,00%
4. Giám đốc tài chính	0	0	0	0,00%
5. Kế toán trưởng	0	483	483	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT	0	603	603	0,00%
II. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
III. Công đoàn Công ty	0	0	0	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0,00%
V. Cổ đông khác	0	43.937.455	43.937.455	95,5%
1. Trong nước	0	43.936.700	43.936.700	95,5%
1.1 Cá nhân	0	5.667.875	5.667.875	12,32%
1.2 Tổ chức	0	38.268.825	38.268.825	83,18%
Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0,00%
2. Nước ngoài	0	755	755	0,00%
2.1 Cá nhân	0	707	707	0,00%
2.2 Tổ chức	0	48	48	0,00%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu** trong năm 2019, Công ty đã phát hành 2.190.493 cổ phiếu. Nâng tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 460.054.130.000 đồng

**Giao dịch cổ phiếu quỹ** Tính đến 31/12/2019 công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.

**Các chứng khoán khác** Không có.



## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI	Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	36.457.564	79,25%
2	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	1.811.250	3,94%
3	Lê Thanh Thuận	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	1.811.250	3,94%
4	Nguyễn Văn Hưng	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	60.978	0,13%
5	Lê Văn Chung	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	145.503	0,32%
6	Lê Xuân Quế	45 Lê Lợi, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	40.451	0,09%
7	Trương Vĩnh Thành	Bình Khánh 7, Long Xuyên, An Giang	6.641	0,01%
8	Lê Văn Thành	706 Hà Hoàng Hồ, Long Xuyên, An Giang	19.440	0,04%
9	Võ Thị Hồng Tâm	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	603	0,00%
10	Lê Văn Thủy	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	106.018	0,23%
11	Phạm Đình Nam	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang	22.338	0,05%
12	Trần Văn Cừ	Bình Khánh, Mỹ Khánh, Long Xuyên, An Giang	33.447	0
13	Võ Thị Thanh Tâm	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	0	0
14	Võ Quốc Chánh	Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	0	0
15	Võ Quốc Hưng	Thành Phố Hồ Chí Minh	0	0
16	Nguyễn Thị Hà	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	24.150	0,05%
17	Nguyễn Hồng Ngự	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	12.437	0,03%
18	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	12.678	0,03%
19	Lê Văn Tình	Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	0	0,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>40.564.748</b>	

## **THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ngày 25/03/2019 đã thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021 là 05 thành viên.

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021 là 0/5 thành viên HĐQT độc lập, 0/5 thành viên HĐQT điều hành và không điều hành là 05/05 thành viên. Trisedco đã cố gắng tìm kiếm các thành viên HĐQT chuyên nghiệp và sẽ duy trì cơ cấu nhằm đem lại nhiều lợi ích trong quá trình thảo luận và thực hiện kế hoạch.

## **THAY ĐỔI NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tổ chức ngày 25/03/2019, được thống nhất với danh sách thành viên HĐQT như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Lê Văn Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Lê Thanh Thuận	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

1

Doanh thu thuần năm 2019 là 2.493.276 triệu đồng đạt 134,8% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế là 69.198 triệu đồng đạt 117,4% so với kế hoạch năm 2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 đạt được như kỳ vọng, nhưng so với tốc độ tăng doanh thu thuần thì tốc độ tăng lợi nhuận chưa khả quan.

2

Đã thực hiện trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông với tỷ lệ 5% trên mệnh giá cổ phiếu.

3

Đã thực hiện ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam để kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2019.

4

Đã thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018.

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp, ban hành 04 Nghị quyết và 01 Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc.

### **Tỷ lệ tham dự họp**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch	4/4	100%		
2	Lê Xuân Quế	P.Chủ tịch	4/4	100%		
3	Nguyễn Văn Hưng	P.Chủ tịch	4/4	100%		
4	Lê Thanh Thuận	TVHĐQT	4/4	100%		
5	Trương Vĩnh Thành	TVHĐQT	4/4	100%		
6	Hồ Mạnh Dũng	TVHĐQT	2/4	50%	Không còn là TV HĐQT từ 25/03/2019	
7	Lê Văn Chính	TVHĐQT	2/4	50%	Không còn là TV HĐQT từ 25/03/2019	
8	Lê Văn Thành	TVHĐQT	2/4	50%	Không còn là TV HĐQT từ 25/03/2019	

### **Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2019**

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01.2019/NQ-HĐQT	22/01/2019	Nghị quyết thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ
02	02/NQ-HĐQT	22/02/2019	Nghị quyết triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
03	0522/NQ-HĐQT-2019	22/05/2019	Nghị quyết chia cổ tức năm 2918
04	1021/NQ-HĐQT	21/10/2019	Nghị quyết miễn nhiệm Ông Nguyễn Tiến Ngữ thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

Hội đồng quản trị xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, cố gắng đạt mục tiêu kế hoạch doanh thu thuần năm 2019 đã được đề ra.

Tập trung đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo dõi, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc;

Xem xét báo cáo kinh doanh, báo cáo sản xuất và báo cáo tài chính của Công ty;

Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc hoạch định các chính sách tài chính, thường xuyên theo dõi và đánh giá tình hình trong và ngoài nước để kịp thời ứng phó khi có những biến động.

Luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và cán bộ công nhân viên công ty.

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị công ty phù hợp với mô hình tổ chức.

**ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;

Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 với doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.850 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 60 tỷ đồng;

Nâng cao chất lượng sản phẩm, lập phương án cụ thể đưa sản phẩm của công ty xuất khẩu ở một số thị trường mới;

HDQT sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Công ty ngày càng phát triển;

Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với quy mô của Công ty nhưng vẫn theo cơ chế tinh gọn, thông suốt hiệu quả; Cải tiến phương thức quản lý tạo sự kết nối giữa các bộ phận theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị Công ty phù hợp với mô hình tổ chức;

Tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2019;

Luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và cán bộ nhân viên của công ty.

Tập trung đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý với đầy đủ các thành viên tham gia tổng kết các hoạt động trong kỳ, lập kế hoạch làm việc cho kỳ tiếp theo cũng như kiến nghị cho Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HDQT, Ban Tổng Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà: Lê Thị Lãm	Trưởng Ban	3/4	75%	Chưa được bổ nhiệm
2	Bà: Trịnh Thị Ngọc	Thành viên	4/4	100%	
3	Bà: Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	4/4	100%	





---

### NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP

---

Quý 1/2019: Kiểm tra tình hình hoạt động Công ty năm 2019. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát và xây dựng chương trình làm việc trong năm.

Quý 2/2019: Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát. Tổng kết hoạt động quý 2. Xây dựng kế hoạch quý 3.

Quý 3/2019: Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2019. Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Kế hoạch kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019. Rà soát thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019.

Quý 4/2019: Thống nhất báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Tổng Giám đốc. Xây dựng kế hoạch hoạt động cho những tháng cuối năm 2019. Tổng kết hoạt động năm 2019.

---

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

---

1

Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019

2

Kiểm tra công tác lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019

3

Tham dự các phiên họp điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty

4

Xem xét việc ban hành văn bản của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

---

### GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Năm 2019, HĐQT đã tiến hành các phiên họp định kỳ theo quy định. Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin theo quy định, đầy đủ, kịp thời trên Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trang web Công ty.

Hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành công ty thực

hiện đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành của Công ty.

HĐQT tích cực chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019.

## THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

Trên cơ sở xem xét việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31/12/2019 theo các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính của Công ty.

Hệ thống chứng từ kế toán và sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đúng theo quy định.

Các báo cáo tài chính trong năm 2019 đã được chấp thuận công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.



## SỰ PHỐI HỢP VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Được cung cấp đầy đủ những tài liệu và báo cáo tài chính định kỳ hằng quý, năm.
- Tham gia đóng góp ý kiến vào các quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty.

## PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

Năm 2020, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên giám sát kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Giám sát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

Tổ chức học tập, nâng cao nhận thức về tư tưởng cho CBNV gắn bó, tận tụy với công việc đưa công ty ngày càng phát triển.

Tham kiến HĐQT trước khi trình các báo cáo, tờ trình, kiến nghị lên Đại hội. Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của công ty khi có dấu hiệu bất thường hoặc theo quyết định của Đại hội.

Phối hợp với Ban kiểm soát nội bộ công ty rà soát kiến nghị các vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế hoạt động kinh doanh của công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng quy trình, quy chế.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Thù lao năm 2018
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch	36.000.000
2	Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch	24.000.000
3	Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch	24.000.000
4	Lê Thanh Thuận	Thành viên	24.000.000
5	Trương Vĩnh Thành	Thành viên	24.000.000
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
1	Lê Thị Lâm	Trưởng Ban	12.000.000
2	Trịnh Thị Ngọc	Thành viên	6.000.000
3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	6.000.000

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:** Trong năm 2019, không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào.

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:** Trong năm 2019, công ty không có bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ nào.



## MỤC TIÊU CHUNG

### Đối với sản xuất kinh doanh

Tăng cường các biện pháp tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng và xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất và tiết kiệm nguyên liệu đặc biệt giảm tối đa ô nhiễm môi trường.

### Đối với môi trường

Tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường

Xác định và đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường để từ đó có thể đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời và phù hợp

### Đối với người lao động

Duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và đời sống người lao động

Nâng cao nhận thức của người lao động về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

### Đối với cộng đồng

Nâng cao ý thức của người lao động về các hoạt động nhân đạo từ thiện.

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng để xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất tại Công ty Trisedco luôn luôn là yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Để chủ động hơn với nguồn phụ phẩm cá Tra/ Cá Basa, các công ty thủy sản thuộc đơn vị Tập đoàn Sao Mai, với vùng nuôi khép kín luôn đảm bảo được về mặt số lượng và chất lượng. Do đó, đây là yếu tố quan trọng nhất tác động mạnh mẽ làm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng của Trisedco với giá thành sản xuất hợp lý.

Sản phẩm mỡ cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá Tra/cá Basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của

nguồn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy dầu cá Raneer. Từ đó, việc quản lý chất lượng nguyên liệu được kiểm soát chặt chẽ..

Với địa thế và vị trí trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng sản phẩm cá Tra/cá Basa tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng nuôi trồng và cung ứng lớn nhất cả nước, và các nguồn nguyên liệu cung cấp luôn đạt được độ tươi rất cao với khoảng cách vận chuyển không quá 60 phút. Thì đây chính là những yếu tố tác động lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm nhà máy Trisedco khi so sánh với các nhà máy trong khu vực lân cận.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



Chi phí năng lượng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu trong sản xuất để mang lại lợi nhuận cao hơn. Trong năm 2019, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Công ty luôn nhắc nhở nhân viên thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong công ty như: thực hiện theo khẩu hiệu “tắt khi không sử dụng”, các phòng ban chỉ được sử dụng điều hòa từ 9h sáng đến 4h chiều.

Công ty sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu:

- Năng lượng trực tiếp: sử dụng năng lượng điện cung cấp cho sản xuất khoảng 200.000kwh/tháng.

- Năng lượng gián tiếp: hơi nước bão hòa được cung cấp từ 02 lò hơi có công suất 15 tấn/lò/giờ. Nhiên liệu đốt là trấu xá. Trung bình mỗi tháng sử dụng khoảng 1.100 tấn trấu xá/tháng.

## NGUỒN NƯỚC



Với đặc thù hoạt động của công ty, nguồn nước sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng. Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cấp nước chủ yếu của Trisedco chủ yếu từ hai nguồn là: nguồn nước sử dụng từ giếng khoan của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI cấp sang và nguồn nước sinh hoạt do công ty Cấp nước huyện Lấp Vò cung cấp. Lượng nước sử dụng trung bình 300 m<sup>3</sup> ngày/đêm.

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm công ty không có vi phạm luật và các quy định về môi trường.

Công ty có lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco” được phê duyệt theo quyết định 456/QĐ-UBND.HC ngày 14/06/2010 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có giấy xác nhận số 732/STNMT-CCBVMT ngày 13/06/2012 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco.

Công ty thực hiện và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 06 tháng/lần và được Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84.8) 38205944 fax: (84.8) 38205942
- Website: aascs.com.vn

## ❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính.

*(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán được đính kèm ở phần sau Báo cáo thường niên này).*

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 04 năm 2020  
**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, QH&Đ





Member of MSI Global Alliance

## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



**Đơn vị kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 04
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	05 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 40



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 29 tháng 07 năm 2019.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **460.054.130.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lập Vò, Đồng Tháp

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Văn Chung	Chủ tịch	
Ông: Lê Xuân Quế	Phó chủ tịch	
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	
Ông: Lê Thanh Thuận	Thành viên	
Ông: Trương Vĩnh Thành	Thành viên	
Ông: Hồ Mạnh Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/03/2019
Ông: Lê Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/03/2019
Ông: Lê Văn Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/03/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Tiến Ngự	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/10/2019
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/03/2019
Ông: Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**  
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà:	Lê Thị Lâm	Trưởng BKS	<i>Bổ nhiệm ngày 25/03/2019</i>
Bà:	Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên	
Bà:	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên	

**Đại diện theo pháp luật:**

Ông:	Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc
------	------------	---------------

**Kế toán trưởng:**

Ông:	Nguyễn Gia Thuận
------	------------------

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

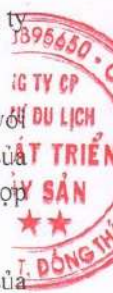
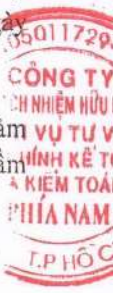
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày kết thúc ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

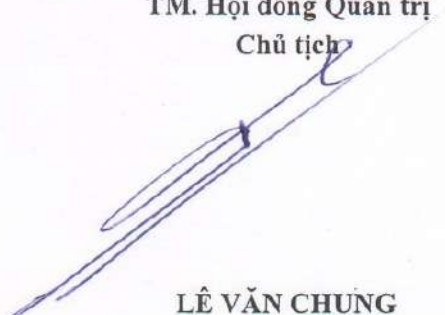


**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty .

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020*

**TM. Hội đồng Quản trị**  
Chủ tịch



**LÊ VĂN CHUNG**

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
Tổng Giám đốc





Số ~~118~~ /BCKT/TC/2020/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, được lập ngày Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2020

**Phó Tổng Giám đốc****Kiểm toán viên****LÊ VĂN TUẤN****ĐẶNG TÙNG HƯNG**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3611-2016-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942  
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

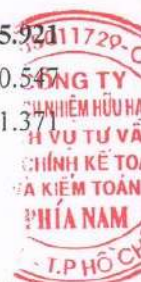


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.101.385.154.416</b>	<b>722.863.351.418</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	178.750.094.398	93.501.113.288
111	1. Tiền		112.465.240.838	81.316.259.728
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.284.853.560	12.184.853.560
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>276.713.636.414</b>	<b>222.963.636.414</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		276.713.636.414	222.963.636.414
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>598.255.696.371</b>	<b>223.159.955.921</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	319.575.738.932	161.776.680.547
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		264.011.552.283	45.422.031.371
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	14.668.405.156	15.961.244.003
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.05</b>	<b>47.563.806.579</b>	<b>179.954.476.750</b>
141	1. Hàng tồn kho		63.118.806.579	190.947.268.178
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(15.555.000.000)	(10.992.791.428)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>101.920.654</b>	<b>3.284.169.045</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	51.692.497	14.414.658
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		50.228.157	3.269.754.387
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>473.965.739.108</b>	<b>644.545.879.110</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.163.249.054</b>	<b>6.460.286.054</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	10.163.249.054	6.460.286.054
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>327.976.907.808</b>	<b>356.484.958.026</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	54.371.207.943	81.327.418.723
222	- Nguyên giá		108.029.270.339	139.457.112.106
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53.658.062.396)	(58.129.693.383)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.08	236.097.705.937	236.685.804.711
225	- Nguyên giá		283.312.462.618	262.744.296.764
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47.214.756.681)	(26.058.492.053)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	37.507.993.928	38.471.734.592
228	- Nguyên giá		41.663.891.750	41.663.891.750
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.155.897.822)	(3.192.157.158)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.10</b>	<b>108.936.980.974</b>	<b>104.188.305.421</b>
231	- Nguyên giá		143.442.915.690	124.429.500.002
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(34.505.934.716)	(20.241.194.581)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.06</b>	<b>298.688.000</b>	<b>10.858.661.309</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		298.688.000	10.858.661.309
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>26.418.973.891</b>	<b>166.296.146.895</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.418.973.891	6.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			(12.827.086)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	159.890.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>170.939.381</b>	<b>257.521.495</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	170.939.381	257.521.495
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.575.350.893.524</b>	<b>1.367.409.230.528</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>986.002.270.285</b>	<b>840.332.490.132</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>854.234.899.221</b>	<b>655.848.265.248</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	38.498.332.580	32.003.657.364
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.426.918.214	796.918.214
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	7.006.250.277	7.938.639.830
314	4. Phải trả người lao động		891.090.140	929.331.440
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	4.756.430.284	5.344.478.604
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	799.580.416.193	606.759.778.263
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.075.461.533	2.075.461.533
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>131.767.371.064</b>	<b>184.484.224.884</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	131.767.371.064	184.484.224.884
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

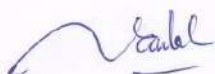
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.16	<b>589.348.623.239</b>	<b>527.076.740.396</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		589.348.623.239	527.076.740.396
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		460.054.130.000	438.149.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		460.054.130.000	438.149.200.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		9.229.288.814	6.653.603.685
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		5.078.365.748	2.502.680.619
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.078.365.748	2.502.680.619
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		109.908.472.929	77.268.575.473
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.636.590.086	25.754.872.886
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		62.271.882.843	51.513.702.587
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.575.350.893.524</b>	<b>1.367.409.230.528</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020




Tổng Giám đốc




LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN LÂM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

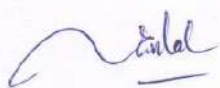
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.493.275.737.226	1.586.843.348.214
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	7.364.380	51.526.440
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.493.268.372.846	1.586.791.821.774
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	2.367.922.108.593	1.469.961.036.640
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.346.264.253	116.830.785.134
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	23.262.287.240	29.862.231.266
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	54.748.007.258	45.504.981.671
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		53.563.862.212	42.051.844.439
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	14.211.625.382	27.944.729.833
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	10.292.078.253	12.217.760.585
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.356.840.600	61.025.544.311
31	11. Thu nhập khác	VI.07	1.803	650.558
32	12. Chi phí khác	VI.08	144.996.198	2.066.748.218
40	13. Lợi nhuận khác		(144.994.395)	(2.066.097.660)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.211.846.205	58.959.446.651
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	6.939.963.362	7.445.744.064
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.271.882.843	51.513.702.587
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.392	1.176*
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.392	1.278*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



LƯU TRẦN TẤN



NGUYỄN GIA THUẬN



  
LÊ VĂN LÂM



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		69.211.846.205	58.959.446.651
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		41.204.060.139	33.493.683.855
03	- Các khoản dự phòng		4.549.381.486	9.947.410.594
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(211.128.021)	1.108.030.731
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.052.488.022)	(26.893.008.795)
06	- Chi phí lãi vay		53.563.862.212	42.051.844.439
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>				
08	08 lưu động		146.265.533.999	118.667.407.475
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(281.263.238.188)	7.181.891.767
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		127.828.461.599	(54.220.632.675)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37.312.058.712	(43.719.808.070)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		49.304.275	319.500.836
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(62.136.342.286)	(51.455.513.431)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.843.731.642)	(399.947.440)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.787.953.531)	(23.627.101.538)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(127.606.395.218)	(3.743.015.759)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		14.707.927.900	4.097.821.671
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(288.313.636.414)	(329.198.973.891)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		374.453.636.414	238.658.973.891
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.436.550.672	26.891.923.441
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.321.916.646)	(63.293.270.647)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		2.056.613.273.027	1.536.944.042.626
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(1.891.105.616.634)	(1.489.452.814.920)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(38.728.438.862)	(41.055.936.516)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		126.779.217.531	6.435.291.190
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		85.669.347.354	(80.485.080.995)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		93.501.113.288	172.698.912.097
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(420.366.244)	1.287.282.186
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>178.750.094.398</b>	<b>93.501.113.288</b>

Người lập biểu



LƯU TRẦN TẤN

Kế toán trưởng



NGUYỄN GIA THUẬN

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN LÂM



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 29 tháng 07 năm 2019.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **460.054.130.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

*Không có*

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

*Không có*

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



#### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

###### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chấp thuận định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

###### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### 2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

###### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

###### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



*c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**+ Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.





- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.



Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chi được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*- Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 13 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 14 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.



Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### **17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt qua số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm (Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014, hướng dẫn nghị định số 128/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013, từ ngày 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%, thay cho việc đang áp dụng thuế suất là 20%). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2017). Năm 2018, Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập của phần sản xuất của Nhà máy (theo khoản 4 điều 11 thông tư 96/2015/TT-BTC, ngày 22/06/2015) và thuế suất 17% của phần thu nhập còn lại.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### **18 . Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **19 . Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **20 . Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>47.466.615</b>	<b>35.967.576</b>
- VND	47.466.615	35.967.576
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>112.417.774.223</b>	<b>81.280.292.152</b>
- Tiền gửi (VND)	94.941.446.597	75.691.843.304
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	3.905.310.095	3.044.347.106
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	551.854.707	175.991.671
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Phan Đăng Lưu		2.316.848
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	2.496.850	2.824.199
+ Tài khoản CK Sacombank	734.637	734.637
+ Ngân hàng ĐT PT An Giang	1.209.697	1.954.732
+ Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Cần Thơ	10.054.972.829	14.059.949.756
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt	3.514.247	3.567.725
+ Ngân hàng HD Bank	143.044.405	81.193.411
+ Ngân hàng Nam á	137.627.610	143.648.003
+ Ngân hàng Công Thương VN - Đồng Tháp	59.239.675	2.414.067
+ Ngân hàng ĐT & PT VN cn Bến Nghé	29.694.264.150	7.335.664.862
+ Ngân hàng TMCP Saigon AG	103.077.086	
+ Ngân hàng ĐT & PT VN cn Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.995.398	2.139.746
+ Ngân hàng VP bank cn An Giang	3.415.654.170	555.883.490
+ Ngân hàng VP bank cn An Giang	15.685.593.887	10.023.855.303
+ Ngân hàng Á Châu Sa đéc	10.722.025.729	11.923.230.478
+ Ngân TP bank cn An Giang	20.049.745.056	15.002.367.654
+ Ngân hàng BPCE	175.377.947	9.213.613.630
+ Ngân hàng TNHH CTBC	228.126.213	4.109.959.123
+ Ngân hàng Quốc Dân	5.582.209	6.186.883
- Tiền gửi (USD)	17.476.327.626	5.588.448.828
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	20.967.472	20.292.347
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	7.369.548	7.383.898
+ Ngân hàng Hàng Hải	21.361.497	22.587.008
+ Ngân hàng Á Châu CN Sadec	5.726.910.592	29.505.953
+ Ngân hàng TP bank CN An Giang	171.484.057	21.866.887
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé	40.516.683	5.246.137.119
+ Ngân hàng TNHH CTBC	10.133.273	10.153.004
+ Ngân hàng Quốc Dân	2.311.000	2.315.500
+ Ngân hàng VP bank	25.539.554	13.769.815
+ Ngân hàng PBCE	30.341.581	53.733.956
+ Ngân hàng HD bank	44.795.962	73.846.389
+ Ngân hàng Nam Á - CN C.Thơ	11.368.937.230	53.118.265
+ Ngân hàng CCB	5.659.177	33.738.687
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>66.284.853.560</b>	<b>12.184.853.560</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	66.284.853.560	12.184.853.560
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Cần Thơ		10.000.000.000
+ Ngân hàng CTBC	2.284.853.560	2.184.853.560
+ Ngân hàng VP bank	64.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>178.750.094.398</b>	<b>93.501.113.288</b>

**02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	276.713.636.414	276.713.636.414	222.963.636.414	222.963.636.414
a2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	159.890.000.000	159.890.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	159.890.000.000	159.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>296.713.636.414</b>	<b>296.713.636.414</b>	<b>382.853.636.414</b>	<b>382.853.636.414</b>
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Số cuối năm				
Giá gốc				
Dự phòng				
Số đầu năm				
Giá gốc				
Dự phòng				
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>6.418.973.891</b>		<b>6.418.973.891</b>	<b>(12.827.086)</b>
- Công ty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính (*)	6.418.973.891		6.418.973.891	(12.827.086)
- Công ty CP Nhựt Hồng				
<b>Cộng</b>	<b>6.418.973.891</b>		<b>6.418.973.891</b>	<b>(12.827.086)</b>

**Ghi chú:**

(\*) Do Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.





**03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>319.575.738.932</b>	<b>161.776.680.547</b>
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	205.491.328.242	159.599.011.133
+ CHINA HAIDA FEED GROUP (HK) LIMITED	34.942.320.000	
+ CHINA NATIONAL TOWNSHIP ENTERPRISES CORPORATION	21.261.200.000	
+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch	54.946.778.160	
+ Đối tượng khác	2.934.112.530	2.177.669.414
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>319.575.738.932</b>	<b>161.776.680.547</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

**04 . PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.668.405.156</b>		<b>15.961.244.003</b>	
Tạm ứng	5.346.314.124		3.479.289.124	
Phải thu khác	9.322.091.032		12.481.954.879	
+ Công ty cho thuê TC TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN TP.HCM	610.652.722		814.203.634	
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	8.705.286.310		11.654.724.243	
+ Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam			7.701.502	
+ Đối tượng khác	6.152.000		5.325.500	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.163.249.054</b>		<b>6.460.286.054</b>	
Ký cược, ký quỹ	10.163.249.054		6.460.286.054	
<b>Cộng</b>	<b>24.831.654.210</b>		<b>22.421.530.057</b>	

**05 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.029.560.588		1.159.265.514	
- Thành phẩm	9.531.679.650		66.119.196.370	(2.716.339.428)
- Hàng hóa	52.557.566.341	(15.555.000.000)	123.668.806.294	(8.276.452.000)
<b>Cộng</b>	<b>63.118.806.579</b>	<b>(15.555.000.000)</b>	<b>190.947.268.178</b>	<b>(10.992.791.428)</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Giá mở cá cao hơn giá bán tại ngày 31/12/2019.

**06 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm	298.688.000	10.858.661.309
+ Hệ thống dây chuyền Trung Quốc và máy nghiền		10.858.661.309
+ Máy nghiền	298.688.000	
Xây dựng cơ bản		
<b>Cộng</b>	<b>298.688.000</b>	<b>10.858.661.309</b>



**07 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	67.883.177.488	66.110.836.436	5.339.516.364	123.581.818		139.457.112.106
2. Số tăng trong năm	464.542.728	10.919.973.309	1.669.619.908			13.054.135.945
- Mua trong năm	464.542.728	360.000.000	1.198.150.910			2.022.693.638
- Đầu tư XDCB hoàn thành		10.559.973.309				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			471.468.998			471.468.998
3. Số giảm trong năm	6.840.090.908	37.641.886.804				44.481.977.712
- Nhập bán, thanh lý	14.792.022.480					14.792.022.480
- Chuyển sang BDS đầu tư	6.840.090.908	22.849.864.324				29.689.955.232
- Bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính						
4. Số dư cuối năm	61.507.629.308	39.388.922.941	7.009.136.272	123.581.818		108.029.270.339
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	29.161.630.257	25.853.861.056	2.994.120.551	120.081.519		58.129.693.383
2. Khấu hao trong năm	2.953.465.892	5.701.197.776	1.215.476.507	3.500.299		9.873.640.474
- Khấu hao trong năm	2.925.056.801	5.701.197.776	909.380.500	3.500.299		9.539.135.377
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			306.096.007			306.096.007
- Phân loại lại	28.409.091					
3. Giảm trong năm	1.969.356.069	12.375.915.393				14.345.271.462
- Nhập bán, thanh lý		5.555.526.679				5.555.526.679
- Chuyển sang BDS đầu tư	1.940.946.978	6.820.388.714				8.761.335.692
- Phân loại lại	28.409.091					28.409.091
4. Số dư cuối năm	30.145.740.080	19.179.143.439	4.209.597.058	123.581.818		53.658.062.395
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	38.721.547.231	40.256.975.380	2.345.395.813	3.500.299		81.327.418.723
2. Tại ngày cuối năm	31.361.889.228	20.209.779.502	2.799.539.214			54.371.207.944

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 28.478.195.061 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.297.540.909 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong kỳ: 0 VND





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**  
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**08. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm		262.275.383.766	468.912.998			262.744.296.764
2. Số tăng trong năm	20.471.523.035	13.858.761.852				34.330.284.887
- Thuế tài chính trong năm	7.521.547.000	9.056.367.173				16.577.914.173
- Tăng khác	12.949.976.035	4.802.394.679				17.752.370.714
3. Số giảm trong năm		13.293.206.035	468.912.998			13.762.119.033
- Thanh lý TSCĐ thuế tài chính			468.912.998			468.912.998
- Phân loại lại		12.949.976.035				
- Giảm khác		343.230.000				343.230.000
4. Số dư cuối năm	20.471.523.035	262.840.939.583				283.312.462.618
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm		25.817.522.856	240.969.197			26.058.492.053
2. Khấu hao trong năm	3.294.667.105	19.234.231.905	65.126.810			22.594.025.820
- Khấu hao trong năm	2.163.001.920	19.234.231.905	65.126.810			21.462.360.635
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác	1.131.665.185					1.131.665.185
3. Giảm trong năm		1.131.665.185	306.096.007			1.437.761.192
- Thanh lý TSCĐ thuế tài chính			306.096.007			306.096.007
- Phân loại lại		1.131.665.185				
4. Số dư cuối năm	3.294.667.105	43.920.089.576				47.214.756.681
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm		236.457.860.910	227.943.801			236.685.804.711
2. Tại ngày cuối năm	17176855930	218.920.850.007				236.097.705.937

**Ghi chú:**

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 12.744.767.796 VND  
- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuế tài chính.

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua lại tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuế tài chính, bên thuế có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.



**09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	41.603.891.750			60.000.000		41.663.891.750
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	41.603.891.750			60.000.000		41.663.891.750
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	3.132.157.158			60.000.000		3.192.157.158
2. Khấu hao trong năm	963.740.664					963.740.664
- Khấu hao trong năm	963.740.664					963.740.664
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	4.095.897.822			60.000.000		4.155.897.822
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	38.471.734.592					38.471.734.592
2. Tại ngày cuối năm	37.507.993.928					37.507.993.928

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 37.208.922.328 VND





10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) BĐS đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>124.429.500.002</b>	<b>30.270.381.596</b>	<b>11.256.965.908</b>	<b>143.442.915.690</b>
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	107.174.772.729	30.270.381.596	11.256.965.908	126.188.188.417
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>20.241.194.581</b>	<b>18.000.159.155</b>	<b>3.735.419.020</b>	<b>34.505.934.716</b>
- Quyền sử dụng đất	1.566.253.170	392.211.852		1.958.465.022
- Nhà	18.674.941.411	17.607.947.303	3.735.419.020	32.547.469.694
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>104.188.305.421</b>			<b>108.936.980.974</b>
- Quyền sử dụng đất	15.688.474.103			15.296.262.251
- Nhà	88.499.831.318			93.640.718.723
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

**b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 74.913.919.416 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không có



**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	51.692.497	14.414.658
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	51.692.497	14.414.658
b) Dài hạn	170.939.381	257.521.495
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	170.939.381	257.521.495
Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b>222.631.878</b>	<b>271.936.153</b>

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	669.466.355.007	669.466.355.007	1.810.949.036.390	1.577.032.545.799	435.549.864.416	435.549.864.416
Vay ngắn hạn - USD	87.715.838.387	87.715.838.387	235.591.619.305	282.588.754.197	134.712.973.279	134.712.973.279
<b>Cộng</b>	<b>757.182.193.394</b>	<b>757.182.193.394</b>	<b>2.046.540.655.695</b>	<b>1.859.621.299.996</b>	<b>570.262.837.695</b>	<b>570.262.837.695</b>
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	53.000.000.000	53.000.000.000	125.995	32.171.620.299	85.171.494.304	85.171.494.304
Trên 5 năm	53.000.000.000	53.000.000.000	125.995	32.171.620.299	85.171.494.304	85.171.494.304
<b>Cộng</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>125.995</b>	<b>32.171.620.299</b>	<b>85.171.494.304</b>	<b>85.171.494.304</b>



**c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	49.583.699.558	12.193.959.059	37.389.740.499	2.372.685.056	232.073.927	2.140.611.129
Trên 1 năm đến 5 năm	1.889.507.100	550.808.737	1.338.698.363	53.317.030.993	14.401.705.606	38.915.325.387
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>51.473.206.658</b>	<b>12.744.767.796</b>	<b>38.728.438.862</b>	<b>55.689.716.049</b>	<b>14.633.779.533</b>	<b>41.055.936.516</b>

**d) Giá trị nợ thuế tài chính**

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	42.398.222.799	42.398.222.799	36.496.940.568	36.496.940.568
Lãi thuế tài chính phải trả	42.398.222.799	42.398.222.799	36.496.940.568	36.496.940.568
<b>Dài hạn</b>	<b>78.767.371.064</b>	<b>78.767.371.064</b>	<b>99.312.730.580</b>	<b>99.312.730.580</b>
Gốc nợ thuế tài chính	78.767.371.064	78.767.371.064	99.312.730.580	99.312.730.580
Lãi thuế tài chính phải trả	78.767.371.064	78.767.371.064	99.312.730.580	99.312.730.580
<b>Cộng</b>	<b>121.165.593.863</b>	<b>121.165.593.863</b>	<b>135.809.671.148</b>	<b>135.809.671.148</b>

**đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

**e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có**





**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>38.498.332.580</b>	<b>38.498.332.580</b>	<b>32.003.657.364</b>	<b>32.003.657.364</b>
- Công ty TNHH Năng lượng Đình Việt	699.765.000	699.765.000	699.765.000	699.765.000
- Công ty TNHH Minh Thắng Sa Đéc	33.352.800.000	33.352.800.000		
- Desmet Ballestra (SEA) pte. Ltd			14.179.450.000	14.179.450.000
- RONGCHENG PINGFANG FISHERY MACHINERY CO.,LTD	803.525.700	803.525.700	10.427.707.000	10.427.707.000
- Đối tượng khác	3.642.241.880	3.642.241.880	6.696.735.364	6.696.735.364
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>38.498.332.580</b>	<b>38.498.332.580</b>	<b>32.003.657.364</b>	<b>32.003.657.364</b>

Cộng

**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

**d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03**

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.844.941.994	6.939.963.362	7.843.731.642	6.941.173.714	
Thuế thu nhập cá nhân	93.697.836	62.336.650	90.957.923	65.076.563	
Thuế nhập khẩu		12.085.173	12.085.173		
Thuế GTGT		13.445.102	13.445.102		
Thuế, phí, lệ phí khác		24.960.000	24.960.000		
<b>Cộng</b>	<b>7.938.639.830</b>	<b>7.052.790.287</b>	<b>7.985.179.840</b>	<b>7.006.250.277</b>	

**Ghi chú:**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	<b>4.756.430.284</b>	<b>5.344.478.604</b>
Kinh phí công đoàn	296.430.284	204.478.604
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.460.000.000	5.140.000.000
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>4.756.430.284</b>	<b>5.344.478.604</b>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		



**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>438.149.200.000</b>	<b>1.220.836.595</b>	<b>1.220.836.595</b>	<b>5.371.759.661</b>	<b>29.600.404.958</b>	<b>475.563.037.809</b>
Lãi trong năm trước					51.513.702.587	51.513.702.587
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Trích quỹ từ lợi nhuận		1.281.844.024	1.281.844.024	1.281.844.024	(3.845.532.072)	
Chia cổ tức						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>438.149.200.000</b>	<b>2.502.680.619</b>	<b>2.502.680.619</b>	<b>6.653.603.685</b>	<b>77.268.575.473</b>	<b>527.076.740.396</b>
Lãi trong năm nay					62.271.882.843	62.271.882.843
Tăng do trích từ lợi nhuận		2.575.685.129	2.575.685.129	2.575.685.129	(7.727.055.387)	
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Chia cổ tức (*)	21.904.930.000				(21.904.930.000)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>5.078.365.748</b>	<b>5.078.365.748</b>	<b>9.229.288.814</b>	<b>109.908.472.929</b>	<b>589.348.623.239</b>

(\*) Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết số 0522/NQ.HDQT-2019 và thông báo thay đổi đăng ký niêm yết ngày 23/07/2019.





16 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	%	<u>Số đầu năm</u>	%
<b>Vốn góp của công ty mẹ</b>	<b>364.575.640.000</b>	<b>79,25%</b>	<b>347.214.900.000</b>	<b>79,25%</b>
<i>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Đa quốc gia</i>	<i>364.575.640.000</i>	<i>79,25%</i>	<i>347.214.900.000</i>	<i>79,25%</i>
<b>Vốn góp của các đối tượng khác</b>	<b>95.478.490.000</b>	<b>20,75%</b>	<b>90.934.300.000</b>	<b>20,75%</b>
<b>Cộng</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>438.149.200.000</b>	<b>100,00%</b>

16 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	438.149.200.000	438.149.200.000
- Vốn góp tăng trong năm	21.904.930.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	460.054.130.000	438.149.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

16 . 4. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.005.413	43.814.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.005.413	43.814.920
- Cổ phiếu phổ thông	46.005.413	43.814.920
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.005.413	43.814.920
- Cổ phiếu phổ thông	46.005.413	43.814.920
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

16 . 5. Các quỹ của công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	9.229.288.814	6.653.603.685
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	5.078.365.748	2.502.680.619
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.078.365.748	2.502.680.619

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	756.223,61	241.349,55
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán



**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị tính: VND  
Năm nay Năm trước

**a) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

2.435.266.891.226 1.530.473.348.214

Doanh thu dịch vụ

58.008.846.000 56.370.000.000

**Cộng**

**2.493.275.737.226 1.586.843.348.214**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Không có

**02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Năm nay Năm trước

Giảm giá hàng bán

7.364.380 51.526.440

**Cộng**

**7.364.380 51.526.440**

**03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Năm nay Năm trước

Giá vốn của hàng hóa đã bán

2.324.271.125.110 1.426.176.954.477

Giá vốn dịch vụ

39.088.774.911 32.791.290.735

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

15.555.000.000 10.992.791.428

Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(10.992.791.428)

**Cộng**

**2.367.922.108.593 1.469.961.036.640**

**04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Năm nay Năm trước

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

21.875.402.663 26.893.008.795

Lãi chênh lệch tỷ giá

1.386.884.577 2.969.222.471

**Cộng**

**23.262.287.240 29.862.231.266**

**05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Năm nay Năm trước

Lãi tiền vay

53.563.862.212 42.051.844.439

Lỗ chênh lệch tỷ giá

1.196.972.132 3.459.757.283

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư

(12.827.086) (6.620.051)

Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư

**Cộng**

**54.748.007.258 45.504.981.671**

**06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Năm nay Năm trước

**06 . 1. Chi phí bán hàng**

Chi phí nguyên, vật liệu

124.706.400 26.000.000

Chi phí nhân viên

1.216.559.500 2.939.862.403

Chi phí dịch vụ mua ngoài

11.830.513.188 24.768.211.474

Các khoản chi phí bán hàng khác

1.039.846.294 210.655.956

**Cộng**

**14.211.625.382 27.944.729.833**



**06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	5.850.332.840	6.301.379.072
Chi phí công cụ, dụng cụ	29.626.500	13.851.727
Chi phí khấu hao	212.232.672	193.912.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.218.572.791	710.311.886
Thuế, phí, lệ phí	530.868.884	991.670.725
Các khoản chi phí QLDN khác	2.450.444.566	4.006.634.652
<b>Cộng</b>	<b>10.292.078.253</b>	<b>12.217.760.585</b>

**07 . THU NHẬP KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản khác	1.803	650.558
<b>Cộng</b>	<b>1.803</b>	<b>650.558</b>

**08 . CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
GTCL của tài sản thanh lý	70.963.656	1.636.198.749
Các khoản bị phạt	74.032.542	412.080.466
Các khoản khác		18.469.003
<b>Cộng</b>	<b>144.996.198</b>	<b>2.066.748.218</b>

**09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên, vật liệu	305.804.770.100	283.429.864.350
Chi phí nhân công	14.795.407.890	16.086.308.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.950.401.802	13.795.452.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.587.401.007	28.301.323.501
Chi phí khác bằng tiền	8.215.156.321	7.915.234.411
<b>Cộng</b>	<b>360.353.137.120</b>	<b>349.528.182.964</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.939.963.362	7.445.744.064
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.939.963.362</b>	<b>7.445.744.064</b>

**11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	62.271.882.843	51.513.702.587
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	44.739.128	38.115.657
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.392</b>	<b>1.352</b>



**12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	62.271.882.843	51.513.702.587
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		2.190.499
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	44.739.128	38.115.657
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.392</b>	<b>1.278</b>

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN**

**VII . TIỀN TỆ**

	<i>Năm nay</i>
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>	
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	16.577.914.173
<b>2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có</b>	
<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<i>Năm nay</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.056.613.273.027
<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>	<i>Năm nay</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.891.105.616.634

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** Không có

**02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**03 . Thông tin về các bên liên quan**

**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt	1.745.241.250	1.342.887.156

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Công ty mẹ

Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai

Công ty CP Tập đoàn Sao Mai là công ty mẹ của Công ty CP Đầu tư & phát triển Đa quốc gia IDI

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :		
	- Tiền thuê dây chuyền chiết chai	2.517.218.000
	- Phí xử lý nước thải	178.552.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Mượn tiền	133.600.000.000
	- Ứng tiền xây kho thành phẩm	40.000.000.000
	- Ứng tiền xây nhà máy tinh luyện dầu 2	45.000.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)	Các khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP ĐT Và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI			
	- Tiền thuê dây chuyền chiết chai		1.263.218.000
	- Phí xử lý nước thải		178.552.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			
	- Ứng tiền xây kho thành phẩm	40.000.000.000	
	- Ứng tiền xây nhà máy tinh luyện dầu 2	45.000.000.000	



**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.981.666.262.992	511.602.109.854	879.995.887.382	706.795.934.392
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.981.666.262.992</b>	<b>511.602.109.854</b>	<b>879.995.887.382</b>	<b>706.795.934.392</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.124.255.706	105.222.008.547	18.229.011.915	98.601.773.219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(23.140.493.284)	(1.363.210.351)	(24.503.703.635)	(40.162.490.418)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>100.842.560.618</b>		<b>100.842.560.618</b>	<b>76.668.294.716</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	23.262.287.240		29.862.231.266	29.862.231.266
Chi phí tài chính	(54.748.007.258)		(45.504.981.671)	(45.504.981.671)
Thu nhập khác	1.803		650.558	650.558
Chi phí khác	(144.996.198)		(2.066.748.218)	(2.066.748.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6.939.963.362)		(7.445.744.064)	(7.445.744.064)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>62.271.882.843</b>		<b>62.271.882.843</b>	<b>51.513.702.587</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	127.606.395.218			
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	51.615.685.501			
				33.493.683.855



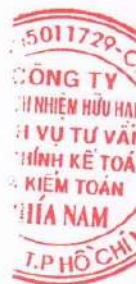


- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	527.194.381.165	56.392.910.050	583.587.291.215	206.909.368.368	289.343.550	207.198.711.918
Tài sản không phân bổ			991.763.602.309			1.160.210.518.610
<b>Tổng tài sản</b>	<b>527.194.381.165</b>	<b>56.392.910.050</b>	<b>1.575.350.893.524</b>	<b>206.909.368.368</b>	<b>289.343.550</b>	<b>1.367.409.230.528</b>
Nợ phải trả bộ phận	38.328.364.880	1.596.885.914	39.925.250.794	7.400.058.364	25.400.517.214	32.800.575.578
Nợ phải trả không phân bổ			946.077.019.491			807.531.914.554
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>38.328.364.880</b>	<b>1.596.885.914</b>	<b>986.002.270.285</b>	<b>7.400.058.364</b>	<b>25.400.517.214</b>	<b>840.332.490.132</b>

**b. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.



**05 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**06 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng



**LƯU TRẦN TẤN**

**NGUYỄN GIA THUẬN**

**LÊ VĂN LÂM**

